Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 08.07.2019 07:55:49 +07:00

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH TÂY NINH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 227 /BC-UBND | *Tây Ninh, ngày 28 tháng 6 năm 2019* |

# BÁO CÁO
## Xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2020

Thực hiện Công văn số 269/BKHCN-KHTC ngày 31/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2020;

Căn cứ tình hình thực hiện kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2018; tình hình thực hiện kế hoạch và dự toán 6 tháng đầu năm 2019 và ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2020 như sau:

### A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH&CN NĂM 2019

#### I. Đánh giá môi trường, thể chế chính sách về KH&CN và đổi mới sáng tạo

- Trong thời gian qua, trên cơ sở các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về KH&CN, đặc biệt là khi Luật KH&CN năm 2013 được ban hành ngày 18 tháng 06 năm 2013 và Nghị định 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&CN, thực hiện Chương trình hành động số 27-CT/TU ngày 30 tháng 01 năm 2013 của TU về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2012 của BCH TW Đảng (khóa XI) về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế đã tạo sự chuyển biến cơ bản trong nhận thức và hành động của các ngành, các cấp về vai trò của KH&CN. Công tác quản lý hoạt động khoa học được cải tiến theo hướng nâng cao trách nhiệm và quyền chủ động trong đề xuất, thực hiện nhiệm vụ KH&CN cho các cơ quan quản lý, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án KH&CN; nâng cao hiệu quả ứng dụng của các đề tài, dự án KH&CN phục vụ mục tiêu phát triển KT-XH của tỉnh.

- Việc ban hành chính sách, pháp luật về phát triển KH&CN tại địa phương ngày càng đi vào chiều sâu, tính khả thi ngày càng cao, cơ bản phù hợp với tình hình thực tiễn hoạt động và đã có tác động tích cực trong phát triển KH&CN của tỉnh nhà.

- Hệ thống tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật (QCVN), hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng: Từng bước được hoàn thiện phù hợp với tình hình hiện nay, công tác thông tin, tuyên truyền phổ biến áp dụng TCVN, QCVN đã được nâng cao và phổ biến hơn nhiều. Các Doanh nghiệp dần nhận

thức được tầm quan trọng của TCVN, QCVN trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

- Các cơ chế, chính sách và quy định pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng: đã được nâng lên, đáp ứng tình hình quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng của địa phương.

- Các cơ chế, chính sách và quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ, năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và thông tin thống kê KH&CN: Tỉnh ban hành các văn bản pháp luật đáp ứng tương đối đầy đủ yêu cầu quản lý nhà nước trong các lĩnh vực trên.

- Về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và phát triển doanh nghiệp KH&CN: chưa triển khai chương trình hỗ trợ

- Nâng cao năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo và đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng trong doanh nghiệp, khuyến khích khởi nghiệp ĐMST; cơ chế ưu đãi, thu hút đầu tư vào doanh nghiệp ĐMST: tỉnh đã ban hành Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ; phát triển thị trường công nghệ, tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2020, bước đầu hỗ trợ cho một số Doanh nghiệp chuyển đổi công nghệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển, hội nhập và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4: tỉnh đã tạo điều kiện thuận lợi phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực KH&CN, nhân lực được đào tạo bài bản, đa số có trình độ từ Đại học trở lên, nhìn chung đáp ứng được một phần yêu cầu phát triển KH&CN hiện nay, đặc biệt là yêu cầu phát triển, hội nhập và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

- Cơ chế, chính sách khuyến khích, huy động nguồn kinh phí ngoài ngân sách đầu tư cho KH&CN, nhất là từ doanh nghiệp: tỉnh chưa có cơ chế này.

- Cơ chế khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN: Từ năm 2016, tỉnh đã ban hành Quy định định mức phân bổ và xây dựng dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN, trong đó quy định khoán chi đối với nội dung thuê khoán chuyên môn và kinh phí quản lý hành chính. Các tổ chức chủ trì nhiệm vụ thực hiện tốt nội dung này, bước đầu tạo điều kiện thuận lợi trong công tác thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

- Việc thành lập và hoạt động các Quỹ KH&CN của địa phương: tỉnh chưa thành lập Quỹ KH&CN.

- Cơ chế ưu đãi, thu hút đầu tư vào khu công nghệ cao, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung: tỉnh đã ban hành một số cơ chế có liên quan như Quy định về mức hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025; xây dựng Tiêu chí đấu giá quyền sử dụng đất kêu gọi đầu tư dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết hợp nuôi trồng thủy sản nước ngọt,…

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, năng động, phục vụ người dân và doanh nghiệp: Trong xu thế hội nhập và phát triển ngày càng sâu rộng như hiện nay, Tây Ninh đang tích cực xây dựng một nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, chuyển dần từ nền hành chính quản lý sang phục vụ nhân dân. Tây Ninh đã mạnh dạn đổi mới nhằm tạo bước phát triển đột phá trong cung cấp dịch vụ hành chính công, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao Chỉ số Năng lực cạnh tranh, Chỉ số Cải cách hành chính của tỉnh.

(Chi tiết các văn bản về KH&CN được ban hành năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019 tại **Phụ lục 1, Biểu TK1-6** kèm theo)

**II. Đánh giá kết quả hoạt động KH&CN và đổi mới sáng tạo**

**1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN các cấp**

**a. Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN được giao trong các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ; chỉ thị; quyết định của Thủ tướng Chính phủ:** không có

**b. Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia**

Từ năm 2017, tỉnh đã đề xuất đặt hàng và được Bộ KH&CN phê duyệt triển khai nhiệm vụ thuộc Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025 Dự án "Nâng cao năng suất chất lượng mía Tây Ninh thông qua chương trình sản xuất mía giống thuần chủng sạch bệnh 3 cấp". Tổng kinh phí đầu tư là 6 tỷ đồng *(trong đó kinh phí do Trung ương hỗ trợ là 2,62 tỷ đồng, kinh phí đối ứng của địa phương là 510,110 triệu đồng, còn lại là kinh phí khác).* Dự án nhằm mục tiêu nâng cao năng suất mía nguyên liệu, giảm chi phí sản xuất và kéo dài thời gian lưu gốc tối thiểu hơn 1 vụ mía so với hiện tại.

***c. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở***

Việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh đã bám sát định hướng ưu tiên của Chiến lược KH&CN và kế hoạch phát triển KH&CN tỉnh giai đoạn 2011-2020:

Kết quả nghiên cứu của các đề tài đã góp phần nâng cao nhận thức cho người dân về tầm quan trọng của việc bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phát triển nền nông nghiệp bền vững, góp phần phát triển KT-XH của địa phương.

*** Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở:**

- Triển khai ứng dụng các mô hình phù hợp đáp ứng nhu cầu của từng địa phương, nhất là các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và kỹ thuật góp phần phục vụ xây dựng nông thôn mới ở các huyện như: mô hình trồng lan, mô hình đèn chiếu sáng giao thông nông thôn bằng năng lượng mặt trời, mô hình lắp đặt hệ thống lọc nước phục vụ sinh hoạt cho các hộ gia đình, mô hình trồng rau an toàn (tổ chức 15 lớp tập huấn chuyển giao mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và kỹ

thuật; hỗ trợ Đồn Biên phòng Ninh Điền xây dựng một vườn rau sạch nhằm góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho các chiến sĩ; lắp đặt 02 đèn chiếu sáng giao thông nông thôn bằng năng lượng mặt trời).

**** Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng (NCTXTCN)***

- Năm 2018, triển khai thực hiện 11 NVTXTCN với tổng kinh phí 1,8 tỷ đồng, cụ thể: xây dựng 12 chuyên mục "KH&CN và đời sống" phát trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh; phát hành 03 tập san và 91 bản tin Thông tin KH&CN; phát hành 12 bản tin KH&CN phục vụ nông nghiệp, nông thôn, tổ chức 03 lớp tuyên truyền, phổ biến kiến thức KH&CN; tổng hợp các đề tài, dự án giai đoạn 2015 - 2017; xây dựng mô hình triển khai ứng dụng kết quả 01 đề tài khoa học cấp tỉnh; đào tạo, tập huấn 03 mô hình ứng dụng KH&CN và thực hiện 03 lớp chuyển giao mô hình KH&CN; nhận chuyển giao 02 kết quả ứng dụng tiến bộ KHCN từ các tổ chức KH&CN ngoài tỉnh.

- Năm 2019, tiếp tục thực hiện 13 NVTXTCN theo hình thức tự chủ, khoán đến sản phẩm cuối cùng với tổng kinh phí là 2,9 tỷ đồng, hiện các nhiệm vụ được Trung tâm KH&CN triển khai đảm bảo đúng tiến độ.

*Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch năm 2019 cũng còn một số khó khăn, hạn chế như:*

+ Kinh phí đầu tư cho KH&CN chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách nhà nước chưa thu hút được nhiều sự tham gia của các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp; việc ứng dụng và nhân rộng kết quả nghiên cứu khoa học còn chậm, hiệu quả còn hạn chế, công tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ chưa đồng đều, chưa đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đổi mới và làm tiền đề vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở địa phương. Nguyên nhân chính là do chưa xây dựng và triển khai được cơ chế, chính sách để hình thành sự gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu và sản xuất, kinh doanh.

+ 01 nhiệm vụ được UBND tỉnh phê duyệt thực hiện năm 2019 chưa được triển khai do gặp khó khăn trong việc tuyển chọn đơn vị chủ trì đủ năng lực thực hiện.

+ Chuyên viên phụ trách công tác quản lý KH&CN tại phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện là kiêm nhiệm phụ trách nhiều lĩnh vực nên ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến KH&CN. Việc triển khai ứng dụng kết quả của các đề tài, dự án sau nghiệm thu còn hạn chế. Kinh phí hoạt động KH&CN cấp huyện hoàn toàn là ngân sách nhà nước chưa huy động được các nguồn lực xã hội khác đầu tư cho KH&CN. Tiến độ giải ngân kinh phí sự nghiệp KH&CN cấp huyện trong 6 tháng đầu năm 2019 đạt tỉ lệ thấp (0,88%) vì phần lớn các huyện đều tập trung triển khai các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào 6 tháng cuối năm.

**2. Phát triển tiềm lực KH&CN**

*a. Đánh giá tình hình hoạt động của các tổ chức KH&CN trên địa bàn được giao quản lý; tình hình thực hiện Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 và Quyết định số 171/QĐ-TTg ngày 27/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*

*- Tình hình hoạt động của các tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh*: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 6 tổ chức hoạt động KH&CN. Hàng năm, các tổ chức này đều triển khai hoạt động với lĩnh vực đã đăng ký với Sở KH&CN, định kỳ có báo cáo kết quả hoạt động về Sở KH&CN. Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động chưa cao, chưa hoạt động hết các lĩnh vực đã đăng ký do còn hạn chế về cơ sở vật chất và nguồn nhân lực, đa số chỉ hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ KH&CN.

*- Tình hình thực hiện Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016:* Trung tâm Khoa học và Công nghệ là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở KH&CN trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Thông tin, Ứng dụng tiến bộ KH&CN và Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn Đo lường chất lượng Tây Ninh, được thành lập theo Quyết định số 3289/QĐ-UBND ngày 29/12/2018 của UBND tỉnh. Trung tâm KH&CN hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm quy định tại Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ. Trong quá trình hoạt động, Trung tâm được ngân sách nhà nước cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, đáp ứng được nhiệm vụ chuyển giao các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào trong cuộc sống của người dân, mặt khác đáp ứng được tiền lương cơ bản cho viên chức và người lao động tại đơn vị. Bên cạnh những thuận lợi, Trung tâm cũng gặp một số khó khăn trong việc giải ngân vốn, cụ thể kinh phí ngân sách cấp chỉ hỗ trợ một phần chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, phần còn lại được bù đắp từ nguồn thu sự nghiệp - lợi nhuận để lại sau khi nộp các loại thuế theo quy định. Với quy định này, nguồn thu để lại trích lập các quỹ của đơn vị còn rất ít, không đủ để đơn vị thực hiện chi phúc lợi, chi khen thưởng, chi tái đầu tư,...

*Đánh giá tình hình triển khai Quyết định số 171/QĐ-TTg ngày 27/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN đến năm 2020, định hướng đến năm 2030: chưa thực hiện*

*b. Tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực KH&CN*

UBND tỉnh luôn quan tâm chỉ đạo các đơn vị liên quan trong việc triển khai, thực hiện các chính sách phát triển nguồn nhân lực KH&CN. Năm 2019, Sở KH&CN đã thực hiện đăng Trang thông tin điện tử của Sở KH&CN về chính sách đào tạo thu hút nhân tài chung của tỉnh tại Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND ngày 26/5/2015 của UBND tỉnh và Quyết định số 40/2017/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về chính sách đào tạo sau đại học và thu hút nhân tài ban hành kèm theo Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND đến các Sở, ngành có liên quan, Liên Hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh để các đơn vị xem xét chọn cử công chức, viên chức, cá nhân

hoạt động KH&CN, nhóm nghiên cứu tại đơn vị mình đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký.

*c. Kết quả phát triển hạ tầng KH&CN thuộc phạm vi được giao quản lý bao gồm*: Khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung; phòng thí nghiệm trọng điểm; thông tin KH&CN; tăng cường tiềm lực cho các tổ chức KH&CN,...

Từ năm 2018 đến 6 tháng đầu năm 2019, tỉnh đã đầu tư nâng cấp, cải tạo trụ sở cho Sở Kh&CN; đầu tư trang bị thiết bị chuyên môn trong lĩnh vực nuôi cấy mô; lĩnh vực vi sinh vật, lĩnh vực an toàn lao động cho Trung tâm Khoa học và Công nghệ thông qua dự án đầu tư công "Nâng cấp, mở rộng đầu tư trại thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học cho Trung tâm thông tin, ứng dụng tiến bộ KHCN tỉnh Tây Ninh", dự án "Đầu tư trang thiết bị, kiểm định máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động cho Trung tâm Thông tin, ứng dụng tiến bộ KH&CN Tây Ninh", dự án "Nâng cấp, cải tạo trụ sở Sở KH&CN" với tổng giá trị đầu tư gần 17 tỷ đồng.

Ngoài ra, ngân sách tỉnh còn phân bổ kinh phí để thực hiện đầu tư trang thiết bị nâng cao năng lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, năng lượng nguyên tử và thử nghiệm với tổng kinh phí gần 14 tỷ đồng.

**3. Phát triển doanh nghiệp KH&CN và thị trường KH&CN**

a) Hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp công nghệ cao; hình thành và phát triển các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN; phát triển thị trường KH&CN; các hoạt động chợ công nghệ và thiết bị, kết nối cung cầu, sàn giao dịch công nghệ.

- Về phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ: Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, khuyến khích các doanh nghiệp thành lập doanh nghiệp KH&CN. Đến nay, nhìn chung công tác phát triển doanh nghiệp KH&CN còn chậm, tuy nhiên doanh nghiệp có quan tâm, tìm hiểu về doanh nghiệp KH&CN hơn. Trên cơ sở công nhận kết quả nghiên cứu KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước, đã tiến hành cấp 01 giấy chứng nhận doanh nghiệp KHCN.

- Về phát triển thị trường công nghệ: Nhìn chung công tác phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh còn sơ khai, doanh nghiệp, nhà đầu tư ít quan tâm tìm hiểu về thị trường khoa học và công nghệ, còn tập trung nhiều vào đầu tư sản xuất kinh doanh trực tiếp.

b) Hình thành và phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST; không gian làm việc chung, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST, các tổ chức ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, nhà đầu tư thiên thần, quỹ đầu tư mạo hiểm; hoạt động đào tạo khởi nghiệp ĐMST, các sự kiện nhằm kết nối, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST.

- Địa phương đang trong quá trình xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, Sở Khoa học và Công nghệ đã ký kết thỏa thuận hợp tác với Khu Công nghệ Phần mềm – Đại hoc Quốc gia TP.HCM giai đoạn 2018-2022, trong

đó tập trung xây dựng, thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Đến nay, đã tổ chức 04 khóa đào tạo về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho các đối tượng là cán bộ quản lý thuộc sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh; tỉnh chỉ đạo Sở KH&CN tham mưu xây dựng Kế hoạch "Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh giai đoạn 2018-2025".

**4. Các hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh**

**a. Hoạt động ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực công nghệ, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, xác lập và phát triển tài sản trí tuệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp.**

*** Dự án năng suất chất lượng:**

- Tính theo số lũy kế từ năm 2016 đến nay: Phê duyệt hỗ trợ cho 22 doanh nghiệp với 30 lượt hỗ trợ. Trong đó: 03 doanh nghiệp với 05 lượt hỗ trợ xin ngưng không khỗ trợ, còn lại hỗ trợ 19 doanh nghiệp với 25 lượt hỗ trợ bao gồm: 19 hệ thống quản lý, 02 công cụ và 04 sản phẩm chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, chứng nhận hợp chuẩn, công bố hợp chuẩn với tổng kinh phí là 1.170.000.000 đồng *(Một tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng).*

- Hoạt động Giải thưởng Chất lượng Quốc gia: năm 2019 tặng 03 bằng khen cho 03 doanh nghiệp đạt giải thưởng chất lượng quốc gia năm 2018; vận động 46 doanh nghiệp trong tỉnh tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia năm 2019, có 02 doanh nghiệp đăng ký.

- Thu thập thông tin, tính toán và công bố chỉ tiêu năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) ảnh hưởng chủ yếu đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh giai đoạn 2011-2015: Nếu so với toàn quốc, bình quân năm giai đoạn 2011-2015 tốc độ tăng TFP của Tây Ninh đạt cao hơn (2,28% so với 1,79%) còn tỷ phần đóng góp của tăng TFP vào tăng trưởng chung thì ở mức tương đương (60,62% so với 30,30%).

*** Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ; phát triển thị trường công nghệ, tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2020 (Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 21/12/2017)**

Tuyên truyền, thông tin Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ; phát triển thị trường công nghệ, tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2020" trên Trang thông tin điện tử của Sở; ban hành Công văn hướng dẫn, mời gọi các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh đăng ký tham gia Chương trình hỗ trợ. Tổ chức Hội nghị triển khai Quy định với hơn 50 người tham dự; Phối hợp phòng kinh tế hạ tầng các huyện Hoà Thành, Bến Cầu, Châu Thành, Dương Minh Châu, Gò Dầu, Tân Biên, Bến Cầu, TP.Tây Ninh tổ chức hội nghị tuyên truyền đến các tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện với hơn 300 người tham dự.

- Hướng dẫn 32 hồ sơ đăng ký tham gia với nội dung hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, phát triển sản phẩm đặc thù; tiếp nhận, cấp 14 giấy xác nhận tham gia phát triển tài sản trí tuệ (đăng ký quyền sở hữu công nghiệp).

- Tiếp nhận 04 hồ sơ doanh nghiệp tham gia hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ năm 2018; thành lập Hội đồng KH&CN cấp tỉnh thẩm định, xét duyệt các hồ sơ tham gia. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1043/QĐ-UBND ngày 09/5/2019 phê duyệt kinh phí "Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ năm 2018" cho **01** doanh nghiệp.

- Hướng dẫn **03** doanh nghiệp hồ sơ tham gia Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ" năm 2019.

**b. Hoạt động sở hữu trí tuệ**

- Hướng dẫn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa 32 tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.; Trả lời: trực tuyến 16 doanh nghiệp về SHTT; trả lời bằng văn bản 01 cá nhân về xét, công nhận sáng kiến.

- Hàng năm, tỉnh tổ chức xét duyệt, công nhận sáng kiến cấp tỉnh, sáng kiến cấp tỉnh ngành giáo dục và đào tạo.

**c. Hoạt động Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng (TĐC)**

- Cấp 01 Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; Thông báo 07 hồ sơ Công bố Hợp chuẩn áp dụng đối với Cao su thiên nhiên SVR và Latex cao su thiên nhiên cô đặc và và 01 sản phẩm Gạch Terrazzo – Ngoại thất, 2 lớp, loại 1; Thông báo 01 hồ sơ Công bố hợp quy áp dụng đối với sản phẩm Thép làm cốt bê tông.

- Tiếp nhận và xác nhận 08 hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu sản phẩm thép của 3 đơn vị; 01 hồ sơ không không đáp ứng yêu cầu nhập khẩu đã gửi văn bản đề nghị tái xuất đến Cục Hải quan Tây Ninh và Công ty TNHH Yantai Moon Việt Nam biết để thực hiện.

- Phúc đáp: 132 văn bản kiểm tra nhà nước lĩnh vực chất lượng hàng hóa nhập khẩu và 10 văn bản về đo lường đối với phương tiện đo khi nhập khẩu phương tiện đo của 15 đơn vị.

- Cập nhật, đăng tải 368 tin tức có liên quan đến chất lượng sản phẩm hàng hóa, 06 tin hoạt động của Chi cục TĐC lên website website: http://tbt.tayninh.gov.vn. Cập nhật danh mục 02 QCVN, lũy kế 512 QCVN.

- Phát hành 18 bản tin TBT về Hàng rào kỹ thuật trong thương mại tỉnh Tây Ninh.

- Công tác kiểm tra nhà nước về TĐC thực hiện năm 2018 là 250/200 cơ sở (đạt 125% kế hoạch).

- Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2019: Công tác kiểm tra nhà nước về TĐC là 63 cơ sở xăng dầu, mũ bảo hiểm, đồng hồ nước lạnh, công tơ điện đạt 100% KH.

**d. Kết quả triển khai các giải pháp tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (theo tinh thần Chỉ thị số 16/CT-TTg); tình**

**hình xây dựng và thực hiện kế hoạch cải thiện chỉ số về ĐMST (GII) thuộc trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương mình.**

*** Lĩnh vực Công nghệ - Thông tin**

- Trong năm 2018, UBND tỉnh đã tập trung thực hiện các giải pháp để chuyển đổi từ Chính quyền truyền thống sang Chính quyền điện tử, chính quyền số, tăng cường cung cấp các dịch vụ công trực tuyến và sử dụng mạng xã hội Zalo để người dân, doanh nghiệp thực hiện nộp hồ sơ qua mạng; bên cạnh đó, tỉnh cũng đã sử dụng mạng xã hội Zalo để tạo kênh giao tiếp giữa người dân và Chính quyền; Trong giai đoạn an toàn thông tin đang được quan tâm, bên cạnh việc thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin thì tỉnh cũng đã tổ chức các buổi hội thảo, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về ATTT cho cán bộ lãnh đạo, CCVC, người dân và các doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh hợp tác với các Trường Đại học, Viện nghiên cứu, doanh nghiệp đang nghiên cứu về các thiết bị, sản phẩm IoT, liên thông dữ liệu, dữ liệu lớn, an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu,... để tạo ra một nền tảng hạ tầng và kho dữ liệu liên thông của tỉnh phục vụ cho việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin.

*** Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo**

Trong năm 2018, UBND tỉnh đã triển khai giáo dục về khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEM) trong chương trình giáo dục phổ thông; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho giáo viên tại một số trường phổ thông ngay từ năm học 2017-2018; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành về giáo dục và đào tạo; đổi mới nội dung, phương pháp dạy - học, kiểm tra, đánh giá; phối hợp với VNPT Tây Ninh và Viettel Tây Ninh xây dựng riêng máy chủ và website trực tuyến để ứng dụng quản lý điểm, quản lý giáo viên và học sinh, sổ điểm điện tử, sổ liên lạc điện tử bằng phần mềm SMAS 3.0 của Tập toàn Viễn thông quân đội Viettel và Vnedu của VNPT Tây Ninh; đầu tư, nâng cấp trang thiết bị phần cứng, phần mềm, giải pháp phòng chống xâm nhập bảo vệ hệ thống mạng, cơ sở dữ liệu, các hệ thống thông tin trong ngành giáo dục góp phần hiện đại hoá và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh.

*** Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ**

- Từng bước xây dựng và triển khai Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025" đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 nhằm thúc đẩy hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp và hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ Tây Ninh đã ký kết thoả thuận hợp tác với Khu Công nghệ Phần mềm – Đại học Quốc gia TP.HCM giai đoạn 2018-2022, trong đó tập trung xây dựng, thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tổ chức 04 khóa đào tạo về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho các đối tượng là cán bộ quản lý; giảng viên, sinh viên; cán làm công tác đoàn, phụ nữ trên địa bàn.

- Sở KH&CN đang tiến hành tổ chức triển khai thực hiện dự án "Nâng cấp, mở rộng đầu tư trại thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học" cho Trung tâm Thông tin, Ứng dụng tiến bộ KH&CN Tây Ninh.

- Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng phòng thử nghiệm nhằm đạt được công nhận theo đúng chuẩn mực ISO/IEC 17025:2005 cho lĩnh vực phân tích hóa lý mẫu nước, cơ lý mẫu gạch và hiệu chuẩn cân.

*** Lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội**

- Các cơ sở giáo dục, đào tạo nghề trong tỉnh đã quan tâm tạo điều kiện cho đội ngũ giáo viên tham gia các khoá đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng, phương pháp sư phạm; phối hợp với các doanh nghiệp, tổ chức tham quan thực tế tại các phân xưởng, hệ thống dây chuyền sản xuất có sử dụng các thiết bị công nghệ, máy móc hiện đại để tích luỹ kiến thức, vận dụng vào thực tế; đầu tư kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị đào tạo nghề để phục vụ công tác giảng dạy, ứng dụng các thiết bị công nghệ hiện đại vào công tác giảng dạy, giúp học sinh/sinh viên sau khi ra trường có đủ kiến thức, kỹ năng, tay nghề để làm việc trong các doanh nghiệp trong khu kinh tế, khu công nghiệp.

**5. Công tác đẩy mạnh ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình; đảm bảo an toàn bức xạ và hạt nhân.**

a) Kết quả triển khai nghiên cứu, ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình trong các ngành, lĩnh vực (bao gồm kết quả triển khai các quy hoạch chi tiết, các đề án, kế hoạch đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt): không có

b) Kết quả triển khai kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân cấp quốc gia; tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh nguồn phóng xạ tại các cơ sở sản xuất:

- Cấp 18 Giấy phép tiến hành công việc bức xạ; 01 Giấy phép sửa đổi, bổ sung; 02 Giấy phép gia hạn; 06 Chứng chỉ nhân viên bức xạ; 02 Giấy xác nhận khai báo thiết bị bức xạ; Phê duyệt 04 Kế hoạch Ứng phó sự cố bức xạ cấp cơ sở.

- Phối hợp với Cục An toàn bức xạ và hạt nhân tiến hành thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong lĩnh vực an toàn bức xạ đối với 02 đơn vị; kiểm tra theo kế hoạch 06 đơn vị (02 đơn vị sử dụng nguồn phóng xạ, 02 sử dụng máy phát tia X; 02 sử dụng X quang chẩn đoán y tế).

- Thông báo đến các cơ quan, đơn vị có liên quan việc triển khai thực hiện chụp ảnh phóng xạ tại KCN Phước Đông – Gò Dầu của Công ty TNHH Vilam Engineering Việt Nam (TP.HCM)

- Hướng dẫn Đồn biên phòng Cửa khẩu quốc tế Mộc Bài về an toàn, an ninh trong sử dụng nguồn phóng xạ

**6. Hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế về KH&CN:** không có

**7. Hoạt động thông tin và thống kê KH&CN**

- Cấp 09 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước; 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước.

- Tiếp tục duy trì, sử dụng, mạng Vinarent (do Cục Thông tin Khoa học Công nghệ Quốc gia cung cấp) trong khai thác thông tin nhiệm vụ KH&CN.

- Cập nhật thông tin nhiệm vụ KH&CN năm 2018 lên cơ sở dữ liệu Quốc gia của Cục Thông tin Khoa học Công nghệ Quốc gia.

- Báo cáo Cục Thông tin Khoa học Công nghệ Quốc gia thống kê khoa học công nghệ năm 2018; Tổng hợp báo cáo Cục Thông tin Khoa học Công nghệ Quốc gia kết quả điều tra nghiên cứu khoa học, điều tra nhận thức công chúng về KH&CN năm 2018 theo yêu cầu của Cục Thông tin Khoa học Công nghệ Quốc gia.

- Cử cán bộ làm đầu mối; lập danh sách đối tượng điều tra tiềm lực KH&CN của các Tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh gửi Cục Thông tin Khoa học Công nghệ Quốc gia.

**8. Công tác cải cách hành chính và xây dựng Chính phủ điện tử trong lĩnh vực KH&CN**

**a. Công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính (THHC)**

- Công khai 59 thủ tục thuộc 04 lĩnh vực (tiêu chuẩn đo lường chất lượng, năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân, hoạt động KH&CN, sở hữu trí tuệ) trên Trang thông tin của Sở KH&CN.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC đối với 02 thủ tục thuộc lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân theo phương án đơn giản hóa:

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC đối với thủ tục cấp và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chuẩn đoán trong y tế): 40%.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC đối với thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X- quang chẩn đoán trong y tế): 30,8%.

- Rà soát và công bố Bộ TTHC lĩnh vực KH&CN trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Tờ trình số 18/TTr-KHCN ngày 27/3/2019 của Sở Khoa học và Công nghệ).

- Thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đúng thời gian quy định. Từ năm 2018 đến nay, Sở đã tiếp nhận và giải quyết đúng và trước hạn 50 hồ sơ.

**b. Hiện đại hóa nền hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng Chính phủ điện tử thực hiện Nghị quyết 36a của Chính phủ.**

- Triển khai sử dụng phần mềm Chia sẻ thông tin, quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ vùng Đông Nam Bộ, đây là phần mềm dùng để cập nhật, tra

cứu thông tin trên hệ thống chia sẻ thông tin, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vùng Đông Nam Bộ.

- Nhằm góp phần hiện đại hóa nền hành chính, Sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động chỉ đạo, điều hành của đơn vị như:

+ Thực hiện chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc thông qua ứng dụng phần mềm xử lý văn bản (egov) do UBND tỉnh triển khai sử dụng. Đồng thời áp dụng ký số trên các văn bản điện tử và chuyển văn bản phát hành đến các sở, ban, ngành có liên quan (thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng). Góp phần tiết kiệm thời gian và văn bản giấy.

+ Thực hiện cung cấp thủ tục hành chính (mức độ 3) trên hệ thống dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.tayninh.gov.vn, góp phần giúp cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp thuận tiện trong việc gửi hồ sơ.

+ Triển khai sử dụng phần mềm họp không giấy của tỉnh tại địa chỉ http://hopkhonggiay.tayninh.gov.vn trong việc gửi nhận và nghiên cứu, tài liệu các cuộc họp góp phần giảm giấy tờ in ấn trong triển khai các cuộc họp.

+ Ứng dụng hệ thống phần mềm một cửa điện tử của tỉnh tại địa chỉ http://motcua.tayninh.gov.vn trong quá trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp gửi đến Sở (kể cả nộp trực tiếp tại Sở và nộp thông qua môi trường mạng).

- Ứng dụng sử dụng phần mềm hệ thống hỏi đáp trực tuyến tại địa chỉ http://hoidap.tayninh.gov.vn, đây là kênh thông tin trả lời, giải đáp những thắc mắc của người dân, tổ chức và doanh nghiệp muốn hỏi cơ quan nhà nước.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin giúp việc trao đổi thông tin, giải quyết TTHC cho tổ chức, công dân nhanh chóng, thuận tiện hơn. Việc ứng dụng phần mềm văn phòng điện tử (egov), họp không giấy trong hoạt động quản lý của cơ quan đã tạo thuận lợi trong việc tra cứu thông tin trong công tác quản lý, chỉ đạo điều hành. Việc ứng dụng hệ thống hỏi đáp trực tuyến, dịch vụ công trực tuyến giúp cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin với cơ quan Nhà nước.

**c. Kết quả áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 đối với cơ quan hành chính nhà nước theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ.**

- Tính lũy kế đến nay, toàn tỉnh có **137/148** đơn vị đã thực hiện công bố HTQLCL phù hợp theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008, trong đó: 44/44 đơn vị cấp tỉnh (đạt 100%), 09/09 đơn vị cấp huyện, thành phố (đạt 100%) và 84/95 đơn vị cấp xã, phường, thị trấn (đạt 88,4%).

- Kiểm tra việc duy trì áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng tại các cơ quan, đơn vị: Kiểm tra 86 đơn vị gồm: các Sở, ngành; UBND các huyện, thành phố và các UBND các xã, phường, thị trấn về hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì và

cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008.

- Công tác xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL của các cơ quan hành chính nhà nước đã đạt được những kết quả tích cực. Vai trò, trách nhiệm của từng cá nhân quy định rõ ràng, qua đó lãnh đạo có thể đánh giá về năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm của công chức một cách khách quan hơn. Hồ sơ của tổ chức, công dân đến liên hệ công tác được giải quyết nhanh chóng, đúng thời gian quy định góp phần hạn chế tình trạng lạm quyền, sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho nhân dân, góp phần quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện chương trình CCHC của tỉnh.

**9. Tình hình thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN**

Theo kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020, tỉnh đã và đang đầu tư phát triển cho KH&CN với tổng số tiền là 149,1 tỷ đồng, bao gồm các dự án sau:

+ Dự án "Nâng cao năng lực cho Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2014- 2015". Chủ đầu tư: Sở KH&CN. Tổng mức đầu tư 13,070 tỷ đồng. Tổng kinh phí duyệt quyết toán là 12,1 tỷ đồng.

+ Dự án "Đầu tư trang thiết bị, kiểm định máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động cho Trung tâm Thông tin, ứng dụng tiến bộ KH&CN Tây Ninh". Chủ đầu tư: Sở KH&CN. Tổng mức đầu tư 4,905 tỷ đồng. Dự án đang chờ phê duyệt quyết toán.

+ Nâng cấp mở rộng hạ tầng Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đảm bảo yêu cầu xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Tây Ninh đến năm 2020 (giai đoạn 1). Tổng mức đầu tư 16,7 tỷ đồng.

+ Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin truyền thông và thông tin đối ngoại tại khu vực biên giới tỉnh Tây Ninh đến năm 2020. Tổng mức đầu tư 8,08 tỷ đồng.

+ Xây dựng hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công mức độ 3 cho toàn tỉnh và triển khai cho các sở, ban, ngành (giai đoạn 2: 10 sở, 49 xã). Tổng mức đầu tư 15,08 tỷ đồng.

+ Nâng cấp Báo Tây Ninh điện tử. Tổng mức đầu tư 1,99 tỷ đồng.

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động HĐND tỉnh. Tổng mức đầu tư 3,5 tỷ đồng.

+ Đầu tư trang thiết bị, kiểm định máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động cho Trung tâm Thông tin, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Tây Ninh. Tổng mức đầu tư 1,99 tỷ đồng.

+ Xây dựng hệ thống 1 cửa hiện đại và Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 cho các đơn vị cấp huyện theo mô hình tập trung. Tổng mức đầu tư 9,85 tỷ đồng.

+ Dự án "Xây dựng hệ thống phần mềm văn phòng điện tử cho toàn tỉnh theo mô hình đám mây". Tổng mức đầu tư 10,02 tỷ đồng.

+ Xây dựng hạ tầng mạng diện rộng của tỉnh (từ tỉnh xuống xã) đảm bảo an toàn thông tin phục vụ CCHC, đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước tỉnh Tây Ninh đến năm 2020. Tổng mức đầu tư 14,85 tỷ đồng

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý ngành y tế Tây Ninh (giai đoạn 2). Tổng mức đầu tư 12 tỷ đồng.

+ Nâng cấp, mở rộng đầu tư trại thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học cho Trung tâm Thông tin, ứng dụng tiến bộ KHCN tỉnh Tây Ninh. Tổng mức đầu tư 10 tỷ đồng

+ Hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ quản lý hạ tầng Bưu chính Viễn thông và internet tỉnh TN. Tổng mức đầu tư 2,03 tỷ đồng

+ Đánh giá an toàn thông tin cho hạ tầng và hệ thống thông tin tỉnh Tây Ninh triển khai giai đoạn 2015-2020. Tổng mức đầu tư 1,5 tỷ đồng.

+ Nâng cấp, mở rộng hạ tầng Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đảm bảo yêu cầu xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Tây Ninh đến năm 2020. Tổng mức đầu tư 5,0 tỷ đồng

+ Chương trình ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2015-2020. Tổng mức đầu tư 28,79 tỷ đồng.

**10. Hoạt động của quỹ phát triển KH&CN các cấp: không có**

**11. Tình hình phân bổ và kết quả thực hiện dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN**

**a. Tình hình phân bổ dự toán ngân sách**

Hàng năm trên cơ sở số kinh phí sự nghiệp KH&CN, Bộ Tài chính quyết định giao về cho tỉnh, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh giao dự toán chi kinh phí sự nghiệp KH&CN cho các đơn vị sự nghiệp trong tỉnh. Tổng dự toán chi kinh phí sự nghiệp KH&CN phân bổ cho các đơn vị trong tỉnh cao hơn số Bộ Tài chính giao. Cụ thể:

Năm 2019, kinh phí sự nghiệp KH&CN giao về tỉnh Tây Ninh là 25,514 tỷ đồng (Quyết định 2231/QĐ-BTC ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính), UBND tỉnh giao dự toán kinh phí sự nghiệp KH&CN cho các đơn vị trong tỉnh là 35,628 tỷ đồng (đã trừ 10% kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên thực hiện Cải cách lương). Trong đó:

- Giao cho Sở KH&CN: 22.123,9 triệu đồng (bao gồm kinh phí hoạt động của 02 đơn vị trực thuộc: Chi cục TĐC 900 triệu đồng để thực hiện hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; Trung tâm TKC 2.900 triệu đồng để thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng).

- Phân bổ trực tiếp về cho huyện, thành phố thuộc tỉnh: 1.220 triệu đồng

- Chi hỗ trợ các tổ chức xã hội và xã hội nghề nghiệp (Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh): 200 triệu đồng.

- Giao cho Sở Thông tin và Truyền thông: 11.284,1 triệu đồng.

- Kinh phí sự nghiệp KH&CN cấp sở, ngành: 800 triệu đồng.

UBND tỉnh giao dự toán chi kinh phí sự nghiệp KH&CN cho Sở KH&CN đã tính trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên thực hiện cải cách lương. Căn cứ số dự toán chi kinh phí sự nghiệp KH&CN được UBND tỉnh giao, Sở KH&CN cân đối và phân bổ dự toán cho các đơn vị trực thuộc để thực hiện nhiệm vụ theo chức năng của từng đơn vị.

**b. Tình hình thực hiện dự toán ngân sách**

Từ năm 2018 đến nay, kinh phí sự nghiệp khoa học luôn được cân đối và bổ sung kịp thời để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh.

**III. Đánh giá chung**

**1. Kết quả đạt được**

***- Hoạt động KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở***

****Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh:***

Tổng số nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt thực hiện là: 23 nhiệm vụ. Trong đó:

+ Nhiệm vụ năm 2019: 02 nhiệm vụ.

+ Nhiệm vụ các năm trước chuyển sang: 21 *(đã nghiệm thu: 05 nhiệm vụ)*

Kết quả đạt được của một số đề tài:

+ Đề tài *"Nghiên cứu tuyển chọn giống và kỹ thuật thâm canh, tăng năng suất, chất lượng nhãn huyện Hòa Thành, Tây Ninh"*, kết quả đã xây dựng Quy trình kỹ thuật canh tác, biện pháp bảo quản nhãn sau thu hoạch. Thiết kế logo quảng bá nhãn hiệu hàng hóa "nhãn Hòa Thành". Hiện nay, Tổ hợp tác trồng nhãn xã Trường Đông và xã Trường Hòa đang tiến hành đăng ký bảo hộ nhãn hiệu cho sản phẩm trái nhãn của huyện Hòa Thành.

+ Đề tài *"Nghiên cứu chế biến sản phẩm nước trái cây lên men từ trái mãng cầu ta Tây Ninh"*, kết quả đã xây dựng Quy trình kỹ thuật sản xuất dịch quả mãng cầu ta lên men, dự kiến sẽ chuyển giao cho Trung tâm Khoa học và Công nghệ Tây Ninh ứng dụng và tiếp tục xin hỗ trợ dự án sản xuất, đầu tư mua máy móc thiết bị sản xuất nước ép mãng cầu ta lên men ở quy mô công nghiệp, góp phần nâng cao giá trị sử dụng, đa dạng hoá sản phẩm từ trái mãng cầu ta Tây Ninh, giúp người nông dân sẽ có thêm kênh tiêu thụ trái mãng cầu, và nâng cao hiệu quả sản xuất.

+ Đề tài *"Định hướng đầu tư trên cơ sở phân khúc khách hàng cho di tích lịch sử Căn cứ Trung ương Cục miền Nam (huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh)"*, kết quả nhóm nghiên cứu đã đề xuất giải pháp thu hút khách hàng và xây dựng kế

hoạch định hướng đầu tư phát triển khu di tích lịch sử Căn cứ Trung ương Cục miền Nam về các chương trình ưu tiên đầu tư của tỉnh Tây Ninh như: Đầu tư phát triển, đa dạng hóa, nâng cao chất lượng, hiệu quả sản phẩm, dịch vụ du lịch, tạo nét đặc sắc, độc đáo riêng của khu di tích lịch sử; kết nối đồng bộ các điểm du lịch và liên kết khu vực; nâng cao nhận thức của xã hội, bảo đảm môi trường du lịch, an ninh, an toàn, phát triển theo hướng bền vững; hoàn thiện cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển du lịch; xây dựng chiến lược Marketing du lịch chuyên nghiệp; đẩy mạnh đổi mới và nâng cao năng lực, hiệu quả, tính chuyên nghiệp trong công tác thông tin, quảng bá xúc tiến du lịch; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch .... Với những kết quả bước đầu đạt được sẽ góp phần quan trọng vào việc thực hiện mục tiêu phát triển du lịch của tỉnh, là cơ sở để tỉnh tiếp tục đầu tư phát triển khu di tích trong thời gian tới.

*** Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở:**

+ Trong năm 2018 nghiệm thu 02 nhiệm vụ KH&CN.

+ Trong năm 2019 triển khai 06 nhiệm vụ KH&CN, trong đó có 2 nhiệm vụ KH&CN chuẩn bị nghiệm thu.

**- Về phát triển thị trường công nghệ**: Trong năm 2018-2019, Sở KH&CN đã có nhiều hoạt động nhằm từng bước thúc đẩy, phát triển thị trường khoa học và công nghệ:

+ Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền các hoạt động về thị trường công nghệ, các hoạt động chợ công nghệ và thiết bị, kết nối cung cầu, sàn giao dịch công nghệ như: Đăng Trang thông tin điện tử Sở KH&CN, thông báo, mời gọi doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh đăng ký tham gia sự kiện tham gia các sự kiện: tham gia cổng thông tin giao dịch công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Tổ chức tham gia triển lãm "Khoa học và công nghệ phát triển nông nghiệp vùng Duyên hải Nam Trung bộ - Tây Nguyên năm 2018" do Bộ KH&CN tổ chức tại Thành phố Nha Trang từ ngày 27/6/2018 đến ngày 02/7/2018; tổ chức tham gia "Trình diễn, kết nối công nghệ" do Bộ KH&CN tổ chức tại Thành phố Cần Thơ.

+ Tuyên truyền đăng Cổng thông tin Sở: Nghị định số 13/NĐCP ngày 01/2/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp KHCN; Quyết định số 18/QĐ-TTg ngày 19/4/2019 của Thủ tướng chính phủ về nhập khẩu máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng; Thông báo về việc tuyển chọn công trình, giải pháp sáng tạo khoa học và công nghệ để công bố trong "Sách vàng Sáng tạo Việt Nam năm 2019

+ Thông báo đến các tổ chức, cá nhân: tham gia Cuộc thi "Sáng tạo trong tầm tay" năm 2019 trong lĩnh vực Nông nghiệp vùng Đông Nam Bộ; Hội chợ công nghệ và thiết bị chuyên ngành trồng trọt, bảo quản và chế biến nông sản, thực phẩm năm 2019 tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Phối hợp Khu Công nghệ Phần mềm – Đại học Quốc gia Tp.HCM tổ chức 04 khóa đào tạo về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho các đối tượng là cán bộ quản lý; giảng viên, sinh viên; cán làm công tác đoàn, phụ nữ trên địa bàn.

**2. Kết quả nổi bật**

Trong thời gian qua, UBND tỉnh đã tích cực chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan tham mưu, cụ thể hóa các chủ trương chính sách, pháp luật về KH&CN; Nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN cơ bản đảm bảo cho công tác nghiên cứu ứng dụng; Có sự phối hợp hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN của các sở, ban, ngành, viện, trường, trung tâm và các đơn vị KH&CN,... đã góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, cụ thể:

- Về nghiên cứu ứng dụng, mục tiêu, nội dung nghiên cứu của các đề tài, dự án (ĐT/DA) đều bám sát thực tiễn, yêu cầu phát triển KT-XH của địa phương, kết quả nghiên cứu được các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan triển khai ứng dụng trong công tác quản lý của ngành, trong thực tiễn sản xuất và đời sống, góp phần tích cực trong phát triển KT-XH của tỉnh. Trong đó, các kết quả nghiên cứu điều tra cơ bản về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường đã phục vụ xây dựng luận cứ khoa học cho các phương án phát triển KT-XH và kêu gọi đầu tư của tỉnh. Hoạt động quản lý, nghiên cứu, ứng dụng triển khai KH&CN đã chú trọng áp dụng những thành tựu KH&CN vào việc chuyển đổi cơ cấu sản xuất, nâng cao năng suất sản xuất trên các lĩnh vực, trong đó đã tập trung ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng các đề tài, dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và nâng cao chất lượng, tính cạnh tranh của các sản phẩm hàng hóa nông sản của địa phương. Việc chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ KH&CN ở cấp cơ sở vẫn còn hạn chế, quy mô nhỏ lẻ, hiện chỉ đang tập trung chủ yếu ở lĩnh vực nông nghiệp, chưa tạo được sự lan tỏa và thu hút đông đảo người dân tham gia, kết quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng. Để hoạt động chuyển giao ứng dụng KH&CN đi vào thực tiễn mang lại hiệu quả đòi hỏi sự quan tâm hỗ trợ của các cấp, các ngành và sự hưởng ứng tích cực người dân, tạo ra sức mạnh đòn bẩy thúc đẩy kinh tế-xã hội địa phương phát triển, góp phần xóa đói giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới.

- Về Thông tin KH&CN được đẩy mạnh thông qua báo đài, thông tin KH&CN của sở, bản tin chọn lọc hàng tháng những văn bản chỉ đạo, quy định về KH&CN của cấp có thẩm quyền, kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án, những ứng dụng tiến bộ KH&CN được tuyên truyền, phổ biến; Về công tác sở hữu trí tuệ (SHTT), địa phương đã ban hành chính sách hỗ trợ (với cơ chế hỗ trợ 100% chi phí đăng ký quyền sở hữu công nghiệp; hỗ trợ các sản phẩm đặc thù mang địa danh của tỉnh) nhằm khuyến khích hoạt động đăng ký bảo hộ thương hiệu, phát huy giá trị tài sản trí tuệ trên địa bàn. Qua hơn 01 năm triển khai, nhìn chung tổ chức cá nhân có quan tâm tìm hiểu nhiều hơn trong đăng ký quyền sở hữu công nghiệp, tuy nhiên số lượng đơn đăng ký chưa nhiều như mong muốn. Nguyên nhân do trong đăng ký quyền sở hữu công nghiệp thời gian để được cấp bằng bảo hộ thường rất lâu (từ 1-2 năm), bên cạnh đó địa phương chưa có tổ chức dịch

vụ về SHTT nên việc đăng ký chưa thật sự thu hút được sự quan tâm của tổ chức, cá nhân.

- Về quản lý chuyên ngành, công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng, hàng hóa lưu thông được tổ chức thanh tra, kiểm tra thường xuyên góp phần bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, tạo sự cạnh tranh lành mạnh trên thị trường, đồng thời giúp các cơ sở sản xuất và kinh doanh thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng các phương tiện đo và công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá. Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu Chuẩn Việt Nam TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước đã góp phần thực hiện cải cách hành chính, đạt hiệu quả cao trong công tác, giải quyết công việc nhanh chóng, chính xác, đúng pháp luật và thuận lợi cho tổ chức, cá nhân có quan hệ công tác. Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng bước đầu tạo được sự chuyển biến trong các doanh nghiệp nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh đã nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng các hệ thống quản lý và công cụ nâng cao năng suất chất lượng.

- Về tổ chức, bộ máy hoạt động của ngành KH&CN: Sở KH&CN đã thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Kế hoạch số 1311/UBND-NC ngày 04/6/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 65-KH/TU ngày 15/3/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

**3. Tồn tại, hạn chế**

- Hoạt động KH&CN chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, chưa đáp ứng tốt yêu cầu thời kỳ CNH, HĐH của tỉnh, chưa trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển KT-XH địa phương. Quản lý KH&CN chỉ mới tập trung ở cấp tỉnh, thiếu nhân lực để tổ chức, tham gia nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng KH&CN ở cấp cơ sở. Một số ngành, địa phương, doanh nghiệp chưa coi trọng việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trong ngành, địa phương, đơn vị mình. Quá trình đầu tư, đổi mới công nghệ còn chậm nên năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp.

- Công tác tuyên truyền qua báo, đài, tập san và các lớp tập huấn về lĩnh vực thông tin - sở hữu trí tuệ (TT-SHTT) cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân chưa đạt được kết quả cao do các cơ quan, đơn vị, tổ chức cơ sở, doanh nghiệp chưa quan tâm tham gia. Công tác xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm đặc sản của tỉnh còn chậm, chưa phát huy được lợi thế cạnh tranh. Các mô hình hợp tác xã (HTX) hoặc các hiệp hội ngành nghề từ trước đến nay hoạt động còn hạn chế, nên việc chuyển giao thương hiệu cho HTX quản lý và phát triển thương hiệu còn gặp nhiều khó khăn.

**4. Kiến nghị: Không có**

**B. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH&CN NĂM 2020**

**I. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2020**

**1. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện và triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển KH&CN, ĐMST**

- Tiếp tục chỉ đạo Sở KH&CN triển khai có hiệu quả chính sách "Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ; phát triển thị trường công nghệ, tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2020" (Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 21/12/2017).

- Ban hành "Kế hoạch hỗ trợ đổi mới sáng tạo tỉnh giai đoạn 2019 - 2025"; nghiên cứu các cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động khoa học đổi mới sáng tạo; triển khai có hiệu quả các hoạt động thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, tập trung phát triển hệ sinh thái tỉnh có tiềm năng thế mạnh.

**2. Đối với hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng và hoạt động sở hữu trí tuệ**

*** Hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng**

- Triển khai dự án Nâng cao năng suất chất lượng giai đoạn 2016-2020 (theo Quyết định số 1186/QĐ-UBND, ngày 16 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh).

- Triển khai Kế hoạch thực hiện Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TC quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước (theo Quyết định số 1838/QĐ-UBND, ngày 14 tháng 8 năm 2014 ).

- Công tác kiểm tra nhà nước về TĐC: 300 cơ sở.

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn công chức về chuyên môn nghiệp vụ tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng .

Triển khai Giải thưởng chất lượng quốc gia năm 2020. Hướng dẫn tiếp nhận công bố hợp chuẩn, hợp quy. Cập nhật thông tin lên website http://tayninh.tbtvn.org và phát hành bản tin TBT.

*** Hoạt động sở hữu trí tuệ:**

- Tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về công nghệ, an toàn bức xạ, sở hữu trí tuệ, thông tin thống kê.

**3. Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế:** tỉnh chưa có kế hoạch hợp tác quốc tế.

**4. Hoạt động thông tin, thống kê KH&CN và ĐMST**

Thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh: đăng ký, lưu giữ, công bố thông tin nhiệm vụ khoa học và công nghệ định kỳ theo quy định.

**5. Nâng cao năng lực ĐMST, hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST và phát triển thị trường KH&CN**

- Triển khai: chương trình "Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2018-2020"; "Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ; phát triển thị trường công nghệ, tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2020".

- Tính toán tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm làng nghề truyền thống, sản phẩm nông sản đặc thù của tỉnh.

**6. Phát triển tiềm lực KH&CN**

**a) Nhân lực KH&CN:**

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ cho công chức, viên chức.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy theo Quyết định số 2414/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Đề án sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XII) giai đoạn 2018 -2021.

b) Tổ chức KH&CN: Nâng cao năng lực cho Trung tâm KH&CN của tỉnh thông qua các dự án đầu tư "Nâng cấp, mở rộng đầu tư trại thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học cho Trung tâm Thông tin, Ứng dụng tiến bộ KHCN tỉnh Tây Ninh"

c) Hạ tầng KH&CN: Tiếp tục nâng cao hạ tầng KH&CN thông qua các dự án đầu tư công nâng cao năng lực hoạt động của các tổ chức KH&CN.

**7. Đẩy mạnh cải cách hành chính và xây dựng Chính phủ điện tử trong lĩnh vực KH&CN**

- Thực hiện: rà soát, đơn giản hoá TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC. Thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đúng thời gian quy định; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của đơn vị nhất là việc đảm bảo 100% các văn bản phát hình của đơn vị đều được ký số và liên thông trên môi trường mạng.

**8. Đẩy mạnh công tác truyền thông KH&CN**

Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông về KH&CN, tuyên truyền, cung cấp kịp thời các thông tin về cơ chế, chính sách và vai trò của KH&CN, ĐMST, kết quả hoạt động KH&CN, ĐMST đến các cơ quan quản lý các cấp, các ngành và nhân dân.

**9. Triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST trong các ngành, lĩnh vực và hướng công nghệ ưu tiên**

- Xây dựng danh mục đề tài/dự án năm 2020. Tiếp tục tổ chức triển khai các đề tài/dự án năm trước chuyển sang. Hoàn chỉnh hồ sơ và trình phê duyệt triển khai

đề tài/dự án trong danh mục năm 2019 và các năm trước chuyển sang. Tổ chức nghiệm thu các đề tài đến hạn theo quy định; đôn đốc các Chủ nhiệm đề tài và Cơ quan chủ trì hoàn tất các thủ tục hồ sơ để thẩm định kinh phí và nghiệm thu đúng tiến độ; kiểm tra hoạt động của các tổ chức Khoa học và Công nghệ.

- Dự kiến triển khai 05 đề tài/dự án.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ cấp huyện, thành phố năm 2020. Giao Sở KH&CN: hướng dẫn các sở, ban, ngành, huyện, thành phố triển khai thực hiện các đề tài/ dự án cấp cơ sở năm 2020; tham gia xét chọn, thẩm định hồ sơ các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở năm 2020; kiểm tra tiến độ, đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở đang thực hiện; Thông báo đề xuất danh mục các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở năm 2020. Triển khai thực hiện kế hoạch phối hợp hoạt động KH&CN năm 2020 giữa Sở KH&CN với Hội Nông dân tỉnh, Tỉnh đoàn Tây Ninh và Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, phát triển ngành nghề nông thôn và tái cơ cấu ngành nghề nông nghiệp.

**II. Xây dựng nhiệm vụ kế hoạch**

**1. Xây dựng nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

a) Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp quốc gia (sau đây gọi là nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia)

- Danh mục nhiệm vụ cấp Quốc gia đề xuất thực hiện trong năm 2019, chuyển tiếp sang 2020: 01 đề tài/dự án, kinh phí là 6.000 triệu đồng, trong đó: kinh phí đối ứng của địa phương là 100 triệu đồng.

b) Về các dự án xây dựng các mô hình ứng dụng và chuyển giao KH&CN vào nông thôn và miền núi: Không có

**2. Xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở**

**Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh:**

- Danh mục nhiệm vụ và mức kinh phí dành cho nhiệm vụ chuyển tiếp thực hiện trong năm 2020: 24 đề tài/dự án và kinh phí là 5.417 triệu đồng (Chi tiết tại **Phụ lục 2 biểu TK2-2** kèm theo).

- Danh mục nhiệm vụ và mức kinh phí cho các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến ngày 30/6/2020 (Chi tiết tại **Phụ lục 2 biểu TK2-2** kèm theo)

+ Danh mục các đề tài/dự án đã được phê duyệt: 18

+ Kinh phí dự kiến là: 3.317 triệu đồng

- Danh mục nhiệm vụ mới và mức kinh phí dự kiến triển khai thực hiện năm 2020 (chưa được phê duyệt) (Chi tiết tại Phụ lục 2 biểu TK2-2 kèm theo).

+ Danh mục đề tài/ dự kiến năm 2020: 05

+ Kinh phí dự kiến là 2.000 triệu đồng.

**3. Xây dựng kế hoạch các hoạt động phục vụ quản lý nhà nước về KH&CN và sản xuất kinh doanh**

*** Kế hoạch các hoạt động phục vụ quản lý nhà nước về KHCN**

- Cung cấp thông tin KH&CN phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và công tác quản lý của Nhà nước. Tuyên truyền, phổ biến các thành tựu, tri thức, kiến thức KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa bàn nông nghiệp, nông thôn và các địa bàn vùng sâu, vùng xa.

- Khuyến khích, thúc đẩy các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài đóng trên địa bàn tỉnh tham gia vào thị trường KH&CN, đầu tư và thực hiện các hoạt động nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng kết quả nghiên cứu KH&CN vào sản xuất, kinh doanh và đời sống.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế nhất là các tổng công ty nhà nước tích cực đổi mới công nghệ, làm chủ công nghệ then chốt, mũi nhọn và đẩy mạnh các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao.

- Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp tỉnh Tây Ninh đẩy mạnh đầu tư đổi mới công nghệ, thực hiện chuyển giao công nghệ; xây dựng, phát triển tài sản trí tuệ; áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo tiên tiến nhằm góp phần giúp các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước nâng cao nhận thức và điều hành quản lý phục vụ công tác cải cách hành chính; đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn hóa, tiết kiệm năng lượng phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh.

- Tăng cường hơn nữa mối quan hệ chặt chẽ với Bộ KH&CN để tranh thủ sự hỗ trợ đối với các dự án đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN; xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật; các dự án thuộc Chương trình phát triển nông thôn miền núi. Đẩy mạnh công tác phối hợp, hợp tác với thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Long An và các tỉnh để trao đổi kinh nghiệm, nâng cao chất lượng quản lý Nhà nước về KH&CN nhằm đảm bảo yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

- Nâng cao chất lượng quản lý nhà nước về hoạt động KH&CN; hoạt động của các Hội đồng KH&CN để làm tốt chức năng tham mưu, tư vấn các hoạt động KH&CN theo hướng gắn nghiên cứu với ứng dụng, gắn nghiên cứu với thực tế sản xuất, kinh doanh và đời sống; nâng cao hiệu quả đầu tư KH&CN vào sản xuất và đời sống.

- Công tác Thanh tra: Tổ chức 11 cuộc Thanh tra, thanh kiểm tra về lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng; 02 cuộc thanh tra lĩnh vực an toàn bức xạ hạt nhân; 02 cuộc thanh tra lĩnh vực hoạt động KH&CN, chuyển giao công nghệ, 01 cuộc thanh tra lĩnh vực hành chính, thanh tra theo chỉ đạo cấp trên và thanh tra đột xuất (nếu có).

*** Hoạt động sản xuất kinh doanh:** Giao cho Trung tâm KH&CN trực thuộc Sở KH&CN thực hiện:

- Các hoạt động dịch vụ KH&CN trong lĩnh vực giao phụ trách.

- Các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng.

- Triển khai 01 đề tài cấp tỉnh: "Ứng dụng công nghệ tạo viên không nhiệt để sản xuất phân bón NPK kết hợp Silica từ tro trấu tại tỉnh Tây Ninh"; 02 đề tài cơ sở: "Sản xuất chế phẩm Trichoderma ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp tỉnh Tây Ninh"; "Xây dựng mô hình các loại cây lấy tinh dầu (bạc hà, hương nhu tía, sả java) tại tỉnh Tây Ninh.

- Chương trình hợp tác, chuyển giao ứng dụng tiến bộ KH&CN giữa Trung tâm KH&CN với các Phòng Kinh tế - Hạ tầng các huyện, Phòng Kinh tế thành phố thuộc tỉnh Tây Ninh.

- Các chương trình liên tịch trong hoạt động khoa học công nghệ giữa Sở Khoa học Công nghệ với Hội Nông dân, Tỉnh đoàn Tây Ninh.

**4. Các dự án duy tu, bảo dưỡng, sữa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ cho hoạt động KH&CN: không có**

**5. Các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN**

Tổng số dự án và kinh phí dự kiến năm 2020 cho Sở KH&CN là (dự án chuyển tiếp):

- Dự án "Nâng cấp, mở rộng đầu tư trại thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học cho Trung tâm Thông tin, Ứng dụng tiến bộ KH&CN tỉnh Tây Ninh" (Dự án nhóm C trọng điểm). Tổng mức đầu tư dự kiến: 10.683 triệu đồng. Dự kiến kế hoạch vốn năm 2020 là 5.683 triệu đồng (Phụ lục 2, biểu TK2-3)

**III. Dự toán chi NSNN cho hoạt động KH&CN năm 2020**

Tổng dự toán kinh phí chi cho hoạt động KH&CN năm 2020 là: 43.892 triệu đồng.

Trong đó:

- Kinh phí chi cho sự nghiệp khoa học là: 38.209 triệu đồng (Phụ lục 2, biểu TK4-2), cụ thể:

+ Giao cho Sở KH&CN: 23.961 triệu đồng (bao gồm kinh phí hoạt động của 02 đơn vị trực thuộc: Chi cục TĐC 1.834 triệu đồng để thực hiện hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; Trung tâm KH&CN 3.190 triệu đồng để thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng).

+ Phân bổ trực tiếp về cho huyện, thành phố thuộc tỉnh: 1.628 triệu đồng

+ Chi hỗ trợ các tổ chức xã hội và xã hội nghề nghiệp (Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh): 220 triệu đồng.

+ Giao cho Sở Thông tin và Truyền thông: 12.400 triệu đồng.

- Kinh phí đầu tư phát triển: 5.683 triệu đồng

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ năm 2018, 6 tháng đầu năm 2019, ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2019 và Kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ năm 2020 của UBND tỉnh Tây Ninh./.

***Nơi nhận:***
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Sở Thông tin và truyền thông;
- CVP; PVP: Long, Nhung
- KTTC; VHXH;
- Lưu: VT.VP tỉnh.

40.BC.tuananh.2019

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Ngọc

UBND TỈNH TÂY NINH

**Phụ lục 1**
***Biểu TK1-1***

# KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2018 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

| Số TT | Nội dung | Đơn vị chủ trì, Tác giả | Tóm tắt nội dung | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **Bài báo, công bố, giải pháp, kiến nghị, ấn phẩm khoa học** | | | |
| 1 | Vai trò của phần mền Scratch trong đổi mới chương trình môn tin học ở bậc tiểu học | ThS. Trần Phong Vũ, giảng viên khoa Giáo dục nghề trường CĐSP Tây Ninh | Vai trò quan trọng của phần mềm Scratch như sau:<br>Phát triển tư duy trực quan cho học sinh<br>Phát triển tư duy toán học trong quá trình giải toán tiểu học<br>Kính thích và phát triển tư duy sáng tạo thông qua lập trình game và điều khiển robot<br>Rèn luyện tính kiên trì, cẩn thận trong học tập và trong cuộc sống nói chung.<br>Bồi dưỡng niềm say mê học tập, tính tự giác giải quyết các công việc chưa hoàn thành.<br>Kích thích và phát huy trí tưởng tượng.<br>Biết diễn đạt ý tưởng, suy nghĩ một cách chặt chẽ, logic.<br>Biết chọn lọc và thử nghiệm các ý tưởng mới.<br>Biết phân chia và phối hợp trong khi làm việc nhóm.<br>Biết xử lý lỗi và tìm các giải pháp thay thế.<br>Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, giải thích dễ hiểu, mạch lạc cho người khác. | Tập san số 1/2018 |
| 2 | Tập san Thông tin Khoa học và Công nghệ (số 1,2,3/2018) | Sở Khoa học và Công nghệ | Các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực khoa học và công nghệ. Kết quả hoạt động khoa học và công nghệ trong và ngoài tỉnh | |

| Số TT | Nội dung | Đơn vị chủ trì, Tác giả | Tóm tắt nội dung | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 3 | Tập san Thông tin Khoa học và Công nghệ (số 01/2019) | Sở Khoa học và Công nghệ | Các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực khoa học và công nghệ. Kết quả hoạt động khoa học và công nghệ trong và ngoài tỉnh | |
| 4 | Kỷ yếu 40 năm xây dựng phát triển và hội nhập ngành khoa học và công nghệ tỉnh Tây Ninh (1979-2019). | Sở Khoa học và Công nghệ | Các bài viết về Sở Khoa học và Công nghệ, quyết định thành lập Sở, hình ảnh hoạt động của Sở qua các thời kỳ và hình ảnh CCVC, NLĐ hiện tại | |
| **II** | **Sáng chế, giải pháp hữu ích; Các loại giống mới; Các loại vắc xin mới, chế phẩm mới; Các bản vẽ thiết kế mới, mẫu máy, thiết bị mới** | | | |
| **III** | **Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hình thành** | | | |
| | Doanh nghiệp khoa học và công nghệ | Công ty TNHH MTV Trà Tâm Lan | Sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN: Trà túi lộc Tâm Lan | Địa chỉ: Tổ 6, ấp Khởi Trung, xã Cầu Khởi, huyện Dương Minh Châu,Tây Ninh;<br>Giấy phép kinh doanh: số 3900941407<br>Giấy chứng nhận Doanh nghiệp KH&CN: số 02/DNKHCN |
| IV | Hoạt động đổi mới công nghệ điển hình | | | |
| V | Kết quả khác | | | |

UBND TỈNH TÂY NINH

**Phụ lục 1**
*Biểu TK1-2*

# KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NỔI BẬT NĂM 2018 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

| STT | Tên sản phẩm/ công trình/công nghệ | Xuất xứ (Ghi rõ xuất xứ của nhiệm vụ …) | Hiệu quả kinh tế-xã hội (Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường…) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **Năm 2018** | | | |
| 1 | Quy trình nuôi thương phẩm tôm càng xanh toàn đực tại tỉnh Tây Ninh | Đề tài KH&CN cấp tỉnh *"Ứng dụng công nghệ nuôi thương phẩm tôm càng xanh (Macrobrachium rosenbergii) toàn đực tại tỉnh Tây Ninh"* | Trong quá trình triển khai thực hiện đề tài tiến hành thực hiện mô hình nuôi, sản xuất được 3.578 kg tôm toàn đực thương phẩm trên tổng diện tích 1,5 ha, năng suất đạt 2280 kg/ha, kích thước tôm đạt trung bình từ 10-14 con/kg, Tỷ suất lợi nhuận đạt 55-72%.<br>Hiện nay, kết quả nghiên cứu đã được chuyển giao cho Trung Tâm Khuyến nông, Trung tâm KH&CN Tây Ninh tiếp tục tuyên truyền, ứng dụng vào thực tiễn, triển khai nhân rộng kết quả nghiên cứu giúp người dân địa phương nâng cao được nhận thức, nắm bắt được vai trò công nghệ trong quá trình chuyển đổi đối tượng giống nuôi trồng, vật nuôi trong sản xuất nông nghiệp, nhằm gia tăng giá trị kinh tế nông sản, tăng thu nhập cho người dân trên địa bàn tỉnh. | |
| **II** | **06 tháng đầu năm 2019** | | | |

| STT | Tên sản phẩm/ công trình/công nghệ | Xuất xứ (Ghi rõ xuất xứ của nhiệm vụ …) | Hiệu quả kinh tế-xã hội (Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường…) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Quy trình kỹ thuật canh tác, biện pháp bảo quản nhãn sau thu hoạch | Đề tài KH&CN cấp tỉnh "Nghiên cứu tuyển chọn giống và kỹ thuật thâm canh, tăng năng suất, chất lượng nhãn huyện Hòa Thành, Tây Ninh", | Một số kết quả bước đầu cho thấy áp dụng quy trình kỹ thuật canh tác, biện pháp bảo quản nhãn sau thu hoạch tại huyện Hòa Thành tỷ lệ bệnh thối nâu giảm từ 52,44-52,99%, năng suất tăng 57,34 - 58,8%; giảm tỷ lệ rụng trái non sau 10 tuần phun từ 33,69 - 35,63%, năng suất tăng từ 67,59 - 84,56% so với nghiệm thức đối chứng; phun $CaCl_2$ nồng độ 1000ppm với liều lượng dung dịch 2 lít/cây vào các thời điểm 30,40,50 ngày sau đậu trái có tác dụng làm tăng độ chắc thịt quả và duy trì được chất lượng quả tốt hơn sau khi thu hoạch ở nhiệt độ phòng đến 6 ngày. Phun $K_2SO_4$ có tác dụng làm tăng độ ngọt của quả. Bảo quản nhãn tiêu da bò bằng màng chitosan 1% + PE đục lỗ đã duy trì chất lượng quả trong thời gian 20 ngày.<br>Dự kiến Chuyển giao quy trình, kỹ thuật canh tác nhãn cho Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Hòa Thành, Trung tâm Khuyến nông, Liên minh hợp tác xã tổ chức triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn giúp người dân trồng nhãn tại vùng nghiên cứu và một số vùng có điều kiện canh tác tương tự ứng dụng vào việc phát triển, nâng cao năng suất, chất lượng, tăng khả năng thương mại hóa cho cây nhãn, góp phần tăng thu nhập cho người dân,nâng cao hiệu quả kinh tế. | |
| 2 | Quy trình kỹ thuật sản xuất dịch quả măng cầu ta lên men | Đề tài KH&CN cấp tỉnh "Nghiên cứu chế biến sản phẩm nước trái cây lên men từ trái măng cầu ta Tây Ninh" | Sản phẩm nước măng cầu ta lên men được sản xuất theo quy trình có chất lượng tốt, đồng đều và ổn định. Quy trình kỹ thuật sản xuất dịch quả măng cầu ta lên men, dự kiến sẽ chuyển giao cho Trung tâm Khoa học và Công nghệ Tây Ninh ứng dụng và tiếp tục xin hỗ trợ dự án sản xuất, đầu tư mua máy móc thiết bị sản xuất nước ép măng cầu ta lên men ở quy mô công nghiệp, góp phần nâng cao giá trị sử dụng, đa dạng hoá sản phẩm từ trái măng cầu ta Tây Ninh, giúp người nông dân sẽ có thêm kênh tiêu thụ trái măng cầu, và nâng cao hiệu quả sản xuất. | |
| 3 | Giải pháp thu hút khách hàng và xây dựng kế hoạch định hướng đầu tư phát triển khu di tích lịch sử Căn cứ Trung ương Cục miền Nam | Đề tài KH&CN cấp tỉnh *"Định hướng đầu tư trên cơ sở phân khúc khách hàng cho di tích lịch sử Căn cứ Trung ương Cục miền Nam (huyện* | Đề xuất các chương trình ưu tiên đầu tư của tỉnh Tây Ninh như: Đầu tư phát triển, đa dạng hóa, nâng cao chất lượng, hiệu quả sản phẩm, dịch vụ du lịch, tạo nét đặc sắc, độc đáo riêng của khu di tích lịch sử; kết nối đồng bộ các điểm du lịch và liên kết khu vực; nâng cao nhận thức của xã hội, bảo đảm môi trường du lịch, an ninh, an toàn, phát triển theo hướng bền vững; hoàn thiện cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển du lịch; xây dựng chiến lược Marketing du lịch chuyên nghiệp; đẩy mạnh đổi mới và nâng cao năng lực, hiệu quả, tính chuyên nghiệp trong công tác thông tin, quảng bá xúc tiến du lịch; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch | |

UBND TỈNH TÂY NINH

**Phụ lục 1**
Biểu TK1-3

# KẾT QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH KH&CN CẤP QUỐC GIA 03 NĂM 2016 - 2018 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

| STT | Tên Chương trình/Đề án | Chỉ tiêu/ Mục tiêu đề ra | Kết quả đã đạt được | Đánh giá mức độ hoàn thành (%) | Lý do |
|---|---|---|---|---|---|
| | **Năm 2017** | | | | |
| 1 | Dự án NTMN: "Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nâng cao hiệu quả sản xuất một số loại cây ăn quả (mãng cầu ta, nhãn, ổi) tại huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh"<br>- Cơ quan chủ trì:Trung tâm, Thông tin, Ứng dụng tiến bộ KH& CN Tây Ninh<br>- Kinh phí: 5.095.730.800 đồng<br>- Lĩnh vực khoa học nông nghiệp | - Nâng cao hiệu quả sản xuất và an toàn sản phẩm cho cây mãng cầu ta thông qua mô hình trình diễn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP); mô hình rải vụ trái; mô hình tỉa thưa trái.<br>- Nâng cao hiệu quả sản xuất và an toàn sản phẩm cho cây nhãn tiêu da bò thông qua các mô hình trình diễn phòng trừ bệnh "chổi rồng"; mô hình trình diễn phòng trừ bệnh thối - nứt trái;<br>- Nâng cao hiệu quả sản xuất và an toàn sản phẩm cho cây ổi thông qua mô hình thâm canh áp dụng các biện canh tác tổng hợp trên ổi.<br>- Đào tạo kỹ thuật viên và đánh giá viên nội bộ làm nòng cốt nhân rộng mô hình VietGAP trên mãng cầu ta sau khi dự án kết thúc.<br>- Tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo đầu bờ, tham quan nhằm giới thiệu và nhân rộng mô hình các loại cây trên. | Tiếp nhận chuyển giao được 06 quy trình kỹ thuật; Xây dựng 05 mô hình ứng dụng công nghệ vào sản xuất: mô hình sản xuất mãng cầu ta theo tiêu chuẩn VietGAPđạt chứng nhận VietGAP với tổng diện tích 22.7 ha; mô hình rải vụ mãng cầu ta áp dụng kỹ thuật mới: 04 ha, nhà vườn có kỹ năng rãi vụ trái mãng cầu ta; Mô hình tỉa thưa trái mãng cầu ta tăng phẩm chất và giá trị trái : 02 ha; mô hình phòng trừ tổng hợp sâu, bệnh trên nhãn: 03 ha; mô hình thâm canh áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật trên ổi: 02 ha. Tập huấn cho 200 nông dân giúp họ nắm bắt quy trình, kỹ thuật sản xuất mãng cầu ta theo tiêu chuẩn VietGAP".<br>- Mô hình sản xuất mãng cầu ta theo tiêu chuẩn VietGAP với diện tích 22,7 ha (kế hoạch 15 ha) ở 9 hộ thuộc xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Đạt chứng nhận 22,7 ha (kế hoạch 7 ha).<br>- Mô hình rải vụ mãng cầu ta áp dụng kỹ thuật mới với diện tích 4 ha ở 5 hộ thuộc xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Tỷ lệ ra hoa đạt trên 94%, hiệu quả kinh tế tăng 107,1% so với đối chứng.<br>- Mô hình tỉa thưa quả mãng cầu ta tăng phẩm chất quả và giá trị quả với diện tích 2 ha ở 3 hộ thuộc xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Tỷ lệ trái loại 1 tăng 3,82 lần, hiệu quả kinh tế tăng 111,8%.<br>- Mô hình phòng trừ tổng hợp sâu, bệnh trên nhãn với diện tích 3 ha ở 3 hộ thuộc xã Truông Mít, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Tỷ lệ bệnh chổi rồng mô hình (5,6 – 10%) thấp hơn so với đối chứng (69,4 – 79,8%), giảm so với đối chứng 60,9- 75,8%, tỷ lệ bệnh thối trái, sâu đục trái thấp hơn, năng suất tăng 1,08 lần và tỷ suất lợi nhuận cao hơn 1,02 lần so với | **Đạt 100%** | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | đối chứng<br>- Mô hình thâm canh áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật trên cây ổi với diện tích 2 ha ở 4 hộ thuộc xã Phước Ninh, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, năng suất tăng 32,53% và hiệu quả kinh tế tăng 42,35 - 60,35% so với đối chứng. | | |

UBND TỈNH TÂY NINH

**Phụ lục 1**
*Biểu TK1-4*

# NHÂN LỰC VÀ TỔ CHỨC KH&CN

Đvt: triệu đồng

| Số TT | Tên tổ chức nghiên cứu & phát triển | Số giấy phép đăng ký hoạt động KH&CN và cơ chế hoạt động[1] | Nhân lực hiện có đến 30/6/2019 | | | | | | Kinh phí chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng từ NSNN năm 2019 (tr.đ) | Ghi chú (công lập/ngoài công lập) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng số | Trong đó hưởng lương SNKH | | | | | | |
| | | | | Tổng số | Nghiên cứu viên cao cấp/Kỹ sư cao cấp | Nghiên cứu viên chính/Kỹ sư chính | Nghiên cứu viên/Kỹ sư | Trợ lý nghiên cứu/Kỹ thuật viên | | |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* |
| 01 | Trung tâm Khoa học và Công nghệ Tây Ninh | Quyết định số 3289/QĐ-UBND ngày 29/12/2018 | 33 | 19 | | 01 | 16 | 2 | 2.900 | |
| | **Tổng số** | | 33 | 19 | | 01 | 16 | 2 | 2.900 | |

[1]Cơ chế hoạt động đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thuộc 1 trong 4 loại theo Nghị định 54/2016/NĐ-CP

UBND TỈNH TÂY NINH

**Phụ lục 1**
***Biểu TK1-5***

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN NĂM 2018 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

| Số TT | Nội dung công việc | Đơn vị | Kết quả đạt được (số lượng) | |
|---|---|---|---|---|
| | | | Năm 2018 | 6 tháng đầu năm 2019 |
| **I** | **Số nhiệm vụ KH&CN được triển khai** | | 24 | 21 |
| 1 | Lĩnh vực tự nhiên | N.vụ | 01 | 01 |
| 2 | Lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ | N.vụ | 05 | 05 |
| 3 | Lĩnh vực nông nghiệp | N.vụ | 09 | 08 |
| 4 | Lĩnh vực y, dược | N.vụ | 02 | 01 |
| 5 | Lĩnh vực xã hội | N.vụ | 05 | 05 |
| 6 | Lĩnh vực nhân văn | N.vụ | 02 | 01 |
| **II** | **Công tác đánh giá, thẩm định, giám định và chuyển giao công nghệ** | | | |
| 1 | Thẩm định công nghệ dự án đầu tư | DA | | |
| 2 | Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ | HĐ | 1 | 0 |
| 3 | Giám định công nghệ | CN | | |
| **III** | **Công tác phát triển năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân** | | | |
| 1 | Hướng dẫn hồ sơ cấp phép cho các cơ sở | Cơ sở | 14 | 7 |
| 2 | Thẩm định, cấp phép hoạt động cho các cơ sở đạt tiêu chuẩn An toàn bức xạ | Giấy phép | 14 | 7 |
| 3 | Thẩm định công nghệ các dự án đầu tư ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ | Dự án | | |
| 4 | Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ bức xạ và đồng vị phóng xạ | Giấy phép | | |
| **IV** | **Công tác Sở hữu trí tuệ** | | | |
| 1 | Số hồ sơ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ | Hồ sơ | 29 | 7 |
| 2 | Số đơn nộp đăng ký | Đơn | 134 | 23 |
| 3 | Số văn bằng được cấp | Văn bằng | 74 | 15 |
| 4 | Số vụ xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp | Vụ | 33 | 0 |
| 5 | Số các dự án phát triển tài sản trí tuệ được hỗ trợ | DA | 0 | 0 |
| 6 | Số sáng kiến, cải tiến được công nhận | SK | 0 | 0 |
| **V** | **Công tác thông tin và thống kê KH&CN** | | | |
| 1 | Bổ sung, phát triển nguồn tài liệu (tài liệu giấy, tài liệu điện tử, cơ sở dữ liệu trực tuyến, ...) | Tài liệu/biểu ghi/CSDL | | |
| 2 | Ấn phẩm thông tin đã phát hành | Ấn phẩm, phút | | |
| *2.1* | *Tạp chí/bản tin KH&CN* | Tạp chí/bản tin | 03 ấn phẩm/ 12 bản tin | 01 ấn phẩm/01 kỷ yếu/05 bản tin |
| *2.2* | *Phóng sự trên đài truyền hình* | Buổi phát | 12 | 5 |

| Số TT | Nội dung công việc | Đơn vị | Kết quả đạt được (số lượng) | |
|---|---|---|---|---|
| | | | Năm 2018 | 6 tháng đầu năm 2019 |
| 3 | Xây dựng CSDL (CSDL mới, cập nhập biểu ghi trong CSDL, số hóa tài liệu đưa vào CSDL, ...) | CSDL/biểu ghi/trang tài liệu | | |
| 4 | Thông tin về nhiệm vụ KH&CN | | | |
| *4.1* | *Nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành* | Nhiệm vụ | 19 | 0 |
| *4.2* | *Nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký kết quả thực hiện* | Nhiệm vụ | 8 | 0 |
| *4.3* | *Nhiệm vụ KH&CN được ứng dụng* | Nhiệm vụ | 24 | 0 |
| 5 | Thống kê KH&CN | | | |
| *5.1* | *Số cuộc điều tra/ số phiếu thu được tương ứng* | *Số cuộc/số phiếu* | 2/66 | 0 |
| *5.2* | *Báo cáo thống kê cơ sở* | *Báo cáo* | 1 | 0 |
| *5.3* | *Báo cáo thống kê tổng hợp* | *Báo cáo* | 1 | 0 |
| 6 | Kết quả khác (nếu nổi trội) | | | |
| **VI** | **Công tác tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng** | | | |
| 1 | Số phương tiện đo được kiểm định | Phương tiện | 6.926 | 228 |
| 2 | Số lượng Tiêu chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng | Tiêu chuẩn | 0 | |
| 3 | Số lượng Quy chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng | Quy chuẩn | 0 | |
| 4 | Số doanh nghiệp được cấp/gia hạn chứng chỉ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 | DN | 0 | 0 |
| 5 | Số đơn vị hành chính nhà nước đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 | Đơn vị | 132 | 132 |
| 6 | Số cuộc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa | Cuộc | 28 | 7 |
| 7 | Số mẫu được thử nghiệm và thông báo kết quả | Mẫu | 151 | 46 |
| **VII** | **Công tác thanh tra** | | | |
| 1 | Số cuộc thanh tra | Cuộc | 20 | 8 |
| 2 | Số lượt đơn vị thanh tra | Đơn vị | 70 | 27 |
| 3 | Số vụ vi phạm phát hiện xử lý (nếu có) | Vụ | 6 | |
| 4 | Số tiền xử phạt (nếu có) | Trđ | 200,3 | |
| **VIII** | **Hoạt động đổi mới công nghệ** | | | |
| 1 | Số nhiệm vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp do các bộ, tỉnh/thành phố trực thuộc TW phê duyệt | Nhiệm vụ | | |
| 2 | Số doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ[2] | Doanh nghiệp | | |
| 3 | Số doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm | Doanh nghiệp | | |
| 4 | Số công nghệ được chuyển giao, đưa vào ứng dụng | Công nghệ | 02 | |
| 5 | Số hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện | HĐ | 02 | |
| 6 | Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ | Tr.đ | 387,45 | |
| **IX** | **Công tác sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN** | | | |
| 1 | Bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ | Người | | |
| 2 | Thăng hạng đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ | Người | | |

| Số TT | Nội dung công việc | Đơn vị | Kết quả đạt được (số lượng) | |
|---|---|---|---|---|
| | | | Năm 2018 | 6 tháng đầu năm 2019 |
| 3 | Kéo dài thời gian công tác | Người | | |
| 4 | Trọng dụng nhà khoa học đầu ngành | Người | | |
| 5 | Trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng | Người | | |
| 6 | Trọng dụng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng | Người | | |
| **X** | **Công tác hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN** | | | |
| 1 | Hỗ trợ và hình thành phát triển doanh nghiệp KH&CN | Doanh nghiệp | 0 | 1 |
| 2 | Thành lập cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN (tập trung viện nghiên cứu, trường) | Cơ sở | | |
| 3 | Hỗ trợ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, các nhóm nghiên cứu mạnh được ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN tại các cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN | Đối tượng | | |
| 4 | Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đối tượng thành lập doanh nghiệp KH&CN | Đối tượng | | |
| 5 | Hỗ trợ các tổ chức khoa học và công nghệ công lập chưa chuyển đổi thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm | Đơn vị | | |
| **XI** | **Công tác phát triển thị trường KH&CN** | | | |
| 1 | Giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN trên thị trường | Tr.đ | | |
| 2 | Tỷ trọng giao dịch mua bán tài sản trí tuệ | % | | |
| **XII** | **Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia** | | | |
| 1 | Số doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hình thành (doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới) | Doanh nghiệp | | |
| 2 | Số lượng dự án khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ | Dự án | | |
| 3 | Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ | Doanh nghiệp | | |
| 4 | Số lượng doanh nghiệp tham gia Đề án gọi vốn được từ các nhà đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán và sáp nhập/tổng giá trị | Doanh nghiệp/ tổng giá trị | | |
| 5 | Số lượng các tổ chức ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST | Tổ chức | | |

UBND TỈNH TÂY NINH

**Phụ lục 1**
***Biểu TK1-6***

**VĂN BẢN VỀ KH&CN ĐƯỢC BAN HÀNH**
**NĂM 2018 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

| Số TT | Tên văn bản | Ngày tháng ban hành | Cơ quan ban hành | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tỉnh ủy | HĐND | UBND |
| 01 | Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết địnhsố 48/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh. | 07/5/2018 | | | ✓ |
| 02 | Quyết định 43/2018/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về hoạt động sáng kiến tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 66/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh | 30/11/2018 | | | ✓ |
| 03 | Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 23/4/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 40/2015/QĐ-UBND ngày 29/7/2015 của UBND tỉnh Tây Ninh | 23/4/2019 | | | ✓ |
| 04 | Quyết định 545/QĐ - UBND ngày 5/3/2019 về việc Phê duyệt Quyết định ban hành Kế hoạch Xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh | 05/3/2019 | | | ✓ |
| 045 | Quyết định 1258/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 về việc phê duyệt Quyết định công bố Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở KH&CN | 10/6/2019 | | | ✓ |

UBND TỈNH TÂY NINH

**Phụ lục 1**
***Biểu TK1-7***

# KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CƠ CHẾ KHOÁN ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KH&CN

| **Số nhiệm vụ triển khai năm 2018** | | | **Số nhiệm vụ mở mới(đã triển khai) năm 2019** | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Tổng số | Khoán đến sản phẩm cuối cùng | Khoán từng phần | Tổng số | Khoán đến sản phẩm cuối cùng | Khoán từng phàn |
| Cấp bộ, tỉnh | | 4 | | | 1 |
| Cấp cơ sở | | 6 | | | 2 |

UBND TỈNH TÂY NINH

**Phụ lục 2**
***Biểu TK2-2***

# KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH/NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ, TỈNH NĂM 2020

*Đơn vị: Triệu đồng*

| SỐ TT | Tên Chương trình/tên nhiệm vụ | Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số, ngày, tháng năm) | Thời gian thực hiện(tháng) | Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ | | | | | | | Cơ quan chủ trì |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tổng số | Nguồn NSNN | | | | Nguồn khác | | |
| | | | | | Tổng | Đã cấp đến hết năm 2019 | Dự kiến kinh phí năm 2020 | Số còn lại | Số đã thực hiện năm trước | Dự kiến thực hiện trong năm 2020 | |
| **A** | **Chuyển tiếp sang 2020** | | | **18.336.969.400** | **14.474.593.300** | **11.640.000.000** | **3.317.933.000** | **316.660.300** | | | |
| **I** | **Tên Chương trình cấp Bộ** | | | | | | | | | | |
| **II** | **Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh** | | | | | | | | | | |
| 1 | Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đảm bảo an ninh, trật tự khu vực biên giới tỉnh Tây Ninh trong giai đoạn hội nhập | QĐ triển khai: 447/QĐ-UBND ngày 16/3/2009. | 12 | **204.025.000** | **204.025.000** | 80.000.000 | 124.025.000 | 0 | | | Công an Tây Ninh |
| 2 | DA-SXTN: "Nhân nuôi, sản xuất hàng loạt ong mắt đỏ phòng trừ sâu đục thân hại mía trên địa bàn tỉnh Tây Ninh". | Quyết định triển khai số 2234/QĐ-UBND ngày 30/ 9/2015 | 36 | **1.090.130.000** | **547.430.000** | 520.000.000 | 27.430.000 | 0 | 542.700.000 | | Công ty CP nghiên cứu, ứng dụng mía đường Thành Thành Công |
| 3 | Đánh giá tuyển chọn, nhân các giống lúa mùa đặc sản, lúa chất lượng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh | QĐ triển khai: 2964/QĐ-UBND ngày 21/11/2016. | 36 | **1.869.944.200** | **1.869.944.200** | 1.850.000.000 | 19.944.200 | 0 | | | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh |
| 4 | Ứng dụng thử nghiệm công nghệ scada internet/3G để điều tiết, | QĐ triển khai: 3069/QĐ- | 24 | **2.149.173.100** | **2.149.173.100** | 2.100.000.000 | 49.173.100 | 0 | 0 | 0 | Viện Khoa học thủy lợi Miền Nam |

| STT | Tên Chương trình/tên nhiệm vụ | Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số, ngày, tháng năm) | Thời gian thực hiện(tháng) | Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ | | | | | | | Cơ quan chủ trì |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tổng số | Nguồn NSNN | | | | Nguồn khác | | |
| | | | | | Tổng | Đã cấp đến hết năm 2019 | Dự kiến kinh phí năm 2020 | Số còn lại | Số đã thực hiện năm trước | Dự kiến thực hiện trong năm 2020 | |
| | phân phối nước một tuyến kênh điển hình thuộc hệ thống kênh TN17 từ cống đầu kênh cấp 1 đến cống lấy nước của hộ và nhóm hộ dùng nước | UBND ngày 01/12/2016 | | | | | | | | | |
| 5 | Bảo tồn các loài thú ăn thịt nhỏ ở Vườn Quốc gia Lò Gò – Xa Mát tỉnh Tây Ninh. | Quyết định số 3316/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2016 | 18 | **297.667.000** | **297.667.000** | 270.000.000 | 27.667.000 | 0 | 0 | 0 | Ban Quản lý Vườn Quốc gia Lò Gò – Xa Mát tỉnh Tây Ninh |
| 6 | Ứng dụng mạng xã hội trong việc hỗ trợ, nâng cao hiệu quả giảng dạy tại các trường THPT tỉnh Tây Ninh. | Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2017 | 24 | **237.373.000** | **237.373.000** | 1.600.000.000 | 269.944.200 | 0 | 0 | 0 | Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha Tây Ninh |
| 7 | Xây dựng mô hình văn hoá học đường góp phần ngăn chặn các tệ nạn xã hội và tình trạng bạo lực trong học sinh ở tỉnh Tây Ninh | Quyết định triển khai số 2464/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 | 24 | **275.100.000** | **275.100.000** | 260.000.000 | 15.100.000 | 0 | 0 | 0 | Sở GD&ĐT Tây Ninh |
| 8 | Khảo nghiệm giống mía nhập nội nhằm cải thiện bộ giống mía cho vùng nguyên liệu Tây Ninh | Quyết định triển khai số 2704/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2017 | 36 | **1.426.111.000** | **851.618.900** | 700.000.000 | 151.618.900 | 0 | 574.492.100 | 0 | Công ty cổ phần nghiên cứu ứng dụng mía đường Thành Thành Công |
| 9 | Ứng dụng công nghệ tạo viên không nhiệt để sản xuất phân bón NPK kết hợp silica từ tro trấu. | Quyết định triển khai số 885/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2018 | 24 | **1.054.500.000** | **1.054.500.000** | 1.000.000.000 | 54.500.000 | 0 | 0 | 0 | Trung Tâm thông tin, Ứng dụng tiến bộ KH&CN Tây Ninh |

| STT | Tên Chương trình/tên nhiệm vụ | Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số, ngày, tháng năm) | Thời gian thực hiện(tháng) | Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ | | | | | | | Cơ quan chủ trì |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tổng số | Nguồn NSNN | | | | Nguồn khác | | |
| | | | | | Tổng | Đã cấp đến hết năm 2019 | Dự kiến kinh phí năm 2020 | Số còn lại | Số đã thực hiện năm trước | Dự kiến thực hiện trong năm 2020 | |
| 10 | Khảo sát hiện trạng và đề xuất giải pháp bảo tồn loài quý hiếm Gà lôi hông tía (Lophura diardi) ở Vườn Quốc gia Lò Gò Xa Mát tỉnh Tây Ninh. | Quyết định triển khai số 2702/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2017 | 18 | **403.476.000** | **403.476.000** | 300.000.000 | 103.476.000 | 0 | 0 | 0 | Ban quản lý Vườn Quốc gia Lò Gò-Xa Mát tỉnh Tây Ninh |
| 11 | Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Tây Ninh và đề xuất các giải pháp thích ứng. | Quyết định triển khai số 246/QĐ-UBND ngày 29/01/18 | 15 | **850.494.800** | **850.494.800** | 820.000.000 | 30.494.800 | 0 | 0 | 0 | Viện Khí tượng thủy văn, Hải văn và Môi trường |
| 12 | Mô hình bệnh tật ở các bệnh viện Đa Khoa tỉnh Tây Ninh. | Quyết định triển khai số 2703/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2017 | 24 | **290.131.000** | **290.131.000** | 270.000.000 | 20.131.000 | 0 | 0 | 0 | Bệnh viện Đa Khoa Tây Ninh |
| 13 | Xây dựng giải pháp phòng trừ tổng hợp bệnh khảm lá khoai mì tại tỉnh Tây Ninh" | Quyết định triển khai số 1111/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2018 | 36 | **2.286.081.800** | **2.286.081.800** | 1.600.000.000 | 650.000.000 | 36.081.800 | 0 | 0 | Sở NN&PTNT Tây Ninh |
| 14 | Xây dựng quy trình kỹ thuật, mô hình nuôi ong mật và khai thác các sản phẩm từ ong mật tại tỉnh Tây Ninh | Quyết định số 2868/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2018 | 24 | **1.322.985.200** | **870.781.200** | 650.000.000 | 200.000.000 | 20.781.200 | 452.204.000 | 0 | Trung tâm nghiên cứu ong Miền nam |
| 15 | Xây dựng quy trình nuôi cá chình bông (Anguilla marmorata) có hiệu quả kinh tế cao tại Tây Ninh | Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2019 | 24 | **1.378.077.300** | **1.030.597.300** | 500.000.000 | 500.000.000 | 30.597.300 | | 347.480.000 | Viện nuôi trồng thủy sản III |

| STT | Tên Chương trình/tên nhiệm vụ | Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số, ngày, tháng năm) | Thời gian thực hiện(tháng) | Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ | | | | | | | Cơ quan chủ trì |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tổng số | Nguồn NSNN | | | | Nguồn khác | | |
| | | | | | Tổng | Đã cấp đến hết năm 2019 | Dự kiến kinh phí năm 2020 | Số còn lại | Số đã thực hiện năm trước | Dự kiến thực hiện trong năm 2020 | |
| 16 | Xây dựng, tích hợp cơ sở dữ liệu không gian hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh | Chuẩn bị họp TĐKP | 24 | **1.229.200.000** | **1.229.200.000** | 500.000.000 | 500.000.000 | 229.200.000 | | | Chi cục Thủy lợi tỉnh Tây Ninh |
| 17 | Điều tra, đánh giá tiềm năng tài nguyên nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt cho khu vực Chàng Riệc xã Tân Lập, huyện Tân Biên tỉnh Tây Ninh. | | | **2.000.000.000** | | | 500.000.000 | | | | |
| 18 | Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận cho các sản phẩm từ thịt bò của tỉnh Tây Ninh. | | | **1.000.000.000** | | | 300.000.000 | | | | |
| B | **Nhiệm vụ mới thực hiện từ năm 2020 dự kiến 05 đề tài, dự án** | | | **Dự kiến kinh phí 5.000.000.000** | **5.000.000.000** | | 2.000.000.000 | | | | (Ghi rõ nhiệm vụ đã có quyết định, nhiệm vụ chưa có quyết định phê duyệt kinh phí) |
| | **Tổng cộng (A+B)** | | | **23.336.969.400** | **14.474.593.300** | **11.640.000.000** | **5.317.933.000** | | | | |

UBND TỈNH TÂY NINH

**Phụ lục 2**
***Biểu TK2-3***

# KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KH&CN NĂM 2020
## (Cho Sở KH&CN Tây Ninh)

*Đơn vị: Triệu đồng*

| Số TT | Tên Dự án/ công trình | Căn cứ pháp lý (QĐ phê duyệt) | Chủ đầu tư | Địa điểm xây dựng | Thời gian thực hiện | | Kinh phí | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | *Khởi công* | *Hoàn thành* | Tổng vốn đầu tư được duyệt | Kinh phí được phân bổ lũy kế hết năm 2019 | Kế hoạch vốn năm 2020 |
| I | Dự án chuyển tiếp | | | | | | | | |
| II | Dự án mới | | | | | | | | |
| 1 | "Nâng cấp, mở rộng đầu tư trại thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học cho Trung tâm Thông tin, Ứng dụng tiến bộ KHCNtỉnh Tây Ninh | 828/QĐ-UBND ngày 11/4/2017; QĐ 11/2018/QĐ-UBND ngày 19/4/2018; | Sở Khoa học và Công nghệ | Thái Bình, Châu Thành, Tây Ninh | 2019 | 2020 | 10.683 | 5.000 | 5.683 |

UBND TỈNH TÂY NINH

**Phụ lục 2**
***Biểu TK2-4***

# KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA NĂM 2019 THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ NGÀNH

*Đơn vị: Triệu đồng*

| Số TT | Tên Chương trình/tên nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì/Chủ nhiệm | Thời gian thực hiện | | Kinh phí | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Bắt đầu | Kết thúc | Tổng số | KP hỗ trợ từ NSNN | | | |
| | | | | | | Tổng | Đã cấp đến hết năm 2019 | Dự kiến kinh phí năm 2020 | |
| A | **Chuyển tiếp sang 2020** | | | | | | | | |
| I | **Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025** | | | | | | | | |
| 01 | Dự án "Nâng cao năng suất chất lượng mía Tây Ninh thông qua chương trình sản xuất mía giống thuần chủng sạch bệnh 3 cấp" | Công ty cổ phần nghiên cứu ứng dụng mía đường Thành Thành Công | 2017 | 2021 | 6.000.000.000 | *510.110.000* | 370.000.000 | 100.000.000 | |
| | **Tổng số** | | | | **6.000.000.000** | **510.110.000** | **370.000.000** | **100.000.000** | |

UBND TỈNH TÂY NINH

**Phụ lục 2**
***Biểu TK2-5***

# DỰ KIẾN KINH PHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2020

*Đơn vị: Triệu đồng*

| Số TT | NỘI DUNG | KINH PHÍ TW THÔNG BÁO NĂM 2019 | KINH PHÍ UBND TỈNH, TP PHÊ DUYỆT 2019 | KINH PHÍ THỰC HIỆN NĂM 2019 | KINH PHÍ DỰ KIẾN NĂM 2020 |
|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Kinh phí sự nghiệp KH&CN** | | **35.628** | **36.410** | **38.209** |
| 1 | Kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia chuyển tiếp cấp về địa phương quản lý (chi tiết theo từng nhiệm vụ) | | 370 | 370 | 100 |
| 2 | Chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở (huyện, thành phố) | | 4.735 | 4.735 | 5.417 |
| 3 | Chi nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (sở, ban, ngành) | | 800 | 800 | 880 |
| 4 | Chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng | | 2.900 | 2.900 | 3.190 |
| ***5*** | ***Chi hoạt động KH&CN phục vụ quản lý nhà nước*** | | ***1.930*** | ***2.712*** | ***3.004*** |
| | Hoạt động Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng | | 900 | 1.682 | 1.834 |
| | Sở hữu trí tuệ | | 170 | 170 | 200 |
| | Thông tin và thống kê KH&CN | | 90 | 90 | 240 |
| | Phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân | | 420 | 420 | 420 |
| | Đào tạo, tập huấn | | 150 | 150 | 150 |
| | Đánh giá, thẩm định, giám định và CGCN | | *0* | *0* | 0 |
| | Thanh tra KH&CN | | 200 | 200 | 210 |
| | Hợp tác quốc tế | | 0 | 0 | 0 |
| | Thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân | | 0 | 0 | 0 |

| Số TT | NỘI DUNG | KINH PHÍ TW THÔNG BÁO NĂM 2019 | KINH PHÍ UBND TỈNH, TP PHÊ DUYỆT 2019 | KINH PHÍ THỰC HIỆN NĂM 2019 | KINH PHÍ DỰ KIẾN NĂM 2020 |
|---|---|---|---|---|---|
| | hoạt động KH&CN | | | | |
| 6 | Chi hoạt động KH&CN cấp huyện | | 1.220 | 1.220 | 1.628 |
| 7 | Chi tăng cường tiềm lực, chống xuống cấp | | 0 | 0 | 0 |
| 8 | Chi khác (chương trình liên tịch, phát triển thị trường công nghệ, chương trình Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, Liên hiệp Hội, Thông tin và Truyền thông, ) | | 23.673 | 23.673 | 23.940 |
| **II** | **Kinh phí đầu tư phát triển** | | **5.000** | **10.683** | **5.683** |
| | "Nâng cấp, mở rộng đầu tư trại thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học cho Trung tâm Thông tin, Ứng dụng tiến bộ KHCN tỉnh Tây Ninh" | | 5.000 | 10.683 | 5.683 |
| | **Tổng số** | | **40.628** | **47.093** | **43.892** |

UBND TỈNH TÂY NINH

Phụ lục 4

**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH /ĐỀ ÁN QUỐC GIA VỀ KH&CN ĐÃ ĐƯỢC THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT**

| Số TT | Tên Chương trình/Đề án | Số QĐ, ngày |
|---|---|---|
| I | Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025 | 1747/QĐ-TTg ngày 13/10/2015 |
| 1 | Dự án: "Nâng cao năng suất chất lượng mía Tây Ninh thông qua chương trình sản xuất mía giống thuần chủng sạch bệnh 3 cấp".<br>- CQCT: Công ty cổ phần nghiên cứu ứng dụng mía đường Thành Thành Công<br>- Kinh phí: **6.000.000.000**đồng<br>- NSTW: *2.620.000.000 đồng*<br>- NSĐP: *510.110.000 đồng*<br>- *Kinh phí khác:* 2.869.890.000 đồng | 1856/QĐ-UBND ngày 10/8/2017 |